

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Thu Hà

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
ĐÔNG NAM Á

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Thu Hà

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Thu Hà

Mã SV: 1212401009

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH
Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ Đông Nam Á
- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á , trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

1. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2016

2. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ Đông Nam Á

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Thị Thu Hà

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á., có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á., trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.2.2. Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	4
1.1.4. Phân loại hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	4
1.1.5. Phương pháp tính giá hàng hóa.....	5
1.1.5.1. Giá thực tế của hàng hóa nhập kho:	5
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	9
1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	9
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	10
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư	11
1.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	13
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên ..	13
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ	17
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	21
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	22
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.....	23
1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:	24
1.4.4. Hình thức kế toán trên máy tính.....	25
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á.....	26
2.1. Khái quát chung công ty TNHH thương mại dịch vụ Đông Nam Á	26

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	26
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	27
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á	30
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.	30
2.1.3.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương 31	31
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.	32
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.	33
2.2. Thực trạng kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á	33
2.2.1. Đặc điểm về hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á	33
2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á	33
2.2.2.1. Thủ tục nhập – xuất hàng hóa	33
2.2.2.2. Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á	35
2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á	52
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng	52
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng	52
2.2.2.3. Quy trình hạch toán.....	52
2.2.2.4. Ví dụ minh họa.....	53
CHƯƠNG III:MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HOA TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤĐÔNG NAM Á.....	57
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.	57
3.1.1. Ưu điểm.....	57
3.1.2. Nhược điểm.....	59
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tồn kho tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á.	59

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện.....	60
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	61
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tồn kho tại Công ty	62
KẾT LUẬN	71
TÀI LIỆU THAM KHẢO	72

LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta đang trong thời kỳ hội nhập với thế giới. Vì thế, để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp luôn cố gắng nhằm phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của mình. Đồng thời doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý, công tác kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhận thức được tầm quan trọng, thiết thực của công việc kế toán; vận dụng kiến thức đã được học tại trường và thực tế qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á, em đã chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á***” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Do đây là lần đầu tiên tiếp xúc với việc tìm hiểu công việc thực tế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót hạn chế trong quá trình tìm hiểu, trình bày và đánh giá về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á nên em rất mong được sự giúp đỡ của các thầy cô!

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đỗ Thị Thu Hà

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động. Kế toán là một trong những công cụ quản lý kinh tế nhằm phản ánh và giám đốc toàn diện các mặt hoạt động kinh tế tài chính ở doanh nghiệp. Ngoài ra, kế toán còn có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát các khoản thu, chi tài chính, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài sản và nguồn hình thành; phát triển và ngăn ngừa các hành vi vi phạm về luật kế toán; phân tích thông tin, số liệu kế toán giúp đơn vị, người quản lý điều hành đơn vị; cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

Do vậy, việc tổ chức công tác kế toán khoa học và hợp lý tại doanh nghiệp giúp cho việc tổ chức thu nhận, cung cấp thông tin kịp thời đầy đủ về tình hình tài sản, biến động của tài sản, tình hình doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh, qua đó làm giảm bớt khối lượng công tác kế toán trùng lặp, tiết kiệm chi phí , đồng thời giúp cho việc kiểm kê, kiểm soát tài sản, nguồn vốn, hoạt động kinh tế, đo lường và đánh giá hiệu quả kinh tế, xác định lợi ích của nhà nước, của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường...

Tóm lại, việc tổ chức công tác kế toán khoa học và hợp lý tại doanh nghiệp không những đảm bảo cho việc thu nhận, hệ thống hoá thông tin kế toán đầy đủ, kịp thời, đáng tin cậy phục vụ cho công tác quản lý kinh tế, tài chính mà còn giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ tài sản của doanh nghiệp, ngăn ngừa những hành vi làm tổn hại đến tài sản của doanh nghiệp.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Hàng hóa là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán. Trị giá hàng mua vào, kg gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại,, chi phí thu mua hàng hóa như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hàng hóa. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua hàng hóa.

Hàng hóa rất đa dạng và phong phú: Sản xuất không ngừng phát triển, nhu cầu tiêu dùng luôn biến đổi, và có xu hướng ngày càng tăng dẫn đến hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều chủng loại.

Hàng hóa có đặc tính lí, hóa, sinh học. Mỗi loại hàng có các đặc tính lí, hóa, sinh học riêng. Những đặc tính này có ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng, hàng hóa trong quá trình thu mua, vận chuyển, dự trữ, bảo quản và bán ra.

Hàng hóa luôn thay đổi về chất lượng, mẫu mã, thông số kỹ thuật.... Sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất, vào nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Nếu hàng hóa thay đổi phù hợp với nhu cầu tiêu dùng thì hàng hóa được tiêu dùng và ngược lại.

Trong lưu thông, hàng hóa thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hóa mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

Hàng hóa có vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thương mại.

Quá trình vận động của hàng hóa cũng là quá trình vận động của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp.

Mua hàng: Là giai đoạn đầu tiên trong quá trình lưu chuyển hàng hóa tại các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, là quá trình vận động của vốn kinh doanh từ vốn tiền tệ sang vốn hàng hóa.

Bán hàng: Là giai đoạn cuối cùng kết thúc quá trình lưu thông hàng hóa, sự chuyển hóa vốn kinh doanh từ vốn hàng hóa sang vốn tiền tệ.

Bảo quản và dự trữ hàng hóa: Là khâu trung gian của lưu thông hàng hóa, hàng hóa vận chuyển từ lĩnh vực sản xuất sang lĩnh vực tiêu dùng. Để quá trình kinh doanh diễn ra bình thường, các doanh nghiệp phải có kế hoạch dự trữ hàng hóa một cách hợp lý.

1.1.2.2. Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Trong doanh nghiệp, hàng hóa là bộ phận của hàng tồn kho, thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, cần phải theo dõi, quản lý thường xuyên.

Kế toán hàng hóa là công cụ quan trọng và không thể thiếu của quản lý hàng hóa cả về mặt hiện vật và giá trị nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngăn ngừa hạn chế đến mức thấp nhất những mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại từ đó làm tăng lợi nhuận của công ty.

Việc tập trung quản lý một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu, từ thu mua dự trữ đến tiêu thụ, trên tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản, xác định giá vốn hàng bán, giá bán hàng hóa, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận... cho doanh nghiệp.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để thực hiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp cần quan trọng các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức khoa học, hợp lý công tác kế toán ở doanh nghiệp
- Vận dụng đúng hệ thống tài khoản kế toán, đáp ứng yêu cầu quản lý, áp dụng hình thức tổ chức sổ kế toán phù hợp
- Sử dụng phương tiện, kỹ thuật tính toán, thông tin hiện đại vào công tác kế toán của doanh nghiệp
- Qui định mối quan hệ giữa phòng kế toán với các phòng ban, bộ phận khác trong doanh nghiệp
- Tổ chức thực hiện kiểm tra kế toán trong nội bộ doanh nghiệp

1.1.4. Phân loại hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hóa được chia theo từng ngành hàng, trong từng ngành hàng có nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng có nhiều mặt hàng, mỗi mặt hàng lại có giá khác nhau.

➤ Phân loại hàng hóa theo vật tư, thiết bị, công nghệ phẩm tiêu dùng:

- Hàng kim khí điện máy
- Hàng hóa chất mỏ
- Hàng xăng dầu
- Hàng dệt may, bông vải sợi
- Hàng da cao su
- Hàng gốm sứ, thủy tinh
- Hàng mây, tre đan
- Hàng rượu bia, thuốc lá

➤ Phân loại hàng hóa theo nguồn gốc sản xuất thì hàng hóa được chia thành:

-Ngành hàng nông sản

-Ngành hàng lâm sản

-Ngành hàng thủy sản

➤ Phân loại hàng hóa theo khâu lưu thông thì hàng hóa được chia thành:

-Hàng hóa ở khâu bán buôn

-Hàng hóa ở khâu bán lẻ

➤ Phân loại hàng hóa theo phương pháp vận động của hàng hóa:

-Hàng hóa chuyển qua kho

-Hàng hóa chuyển giao bán thẳng

Việc phân loại và xác định tình hình những hàng nào thuộc hàng hóa của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên mẫu báo cáo kết quả kinh doanh. Vì vậy, việc phân loại hàng hóa là cần thiết và quan trọng đối với doanh nghiệp.

1.1.5. Phương pháp tính giá hàng hóa

1.1.5.1. Giá thực tế của hàng hóa nhập kho:

Giá trị của hàng hóa được xác định theo giá gốc. Việc xác định giá gốc của hàng hóa trong các trường hợp cụ thể khác nhau tùy theo nguồn gốc hình thành, giá gốc của hàng hóa nhập trong kì được tính như sau:

-Đối với hàng hóa mua ngoài

$$\text{Giá gốc} = \text{Giá mua} + \text{Các khoản thuế không hoàn lại} + \text{Chi phí thu mua} - \text{Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua}$$

- Giá mua ghi trên hóa đơn: Là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể là:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua là tổng thanh toán.

- Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép, công tác phí của bộ phận thu mua, dịch vụ phí...

- Các khoản thuế không được hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT(không được khấu trừ).
- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận.
- Giảm giá hàng mua: Là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

-Đối với hàng hóa do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá xuất kho để gia công, chế biến} + \text{Chi phí gia công, chế biến}$$

-Đối với hàng hóa thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá xuất kho đem thuê ngoài gia công, chế biến} + \text{Chi phí vận chuyển bốc xếp đem đi gia công, chế biến} + \text{Chi phí thuê ngoài nhập kho gia công, chế biến}$$

- Hàng hóa được biếu tặng: Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

▪ **Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa**

Về lý thuyết, toàn bộ chi phí mua hàng hóa phải được tính toán phân bổ cho hàng hóa đã bán và hàng tồn kho chưa bán được vào lúc cuối kỳ. Khi doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho bằng phương pháp kê khai thường xuyên thì hàng ngày khi xuất kho hàng hóa để bán kế toán sẽ tính toán và ghi chép các tài khoản có liên quan theo chỉ tiêu giá mua hàng hóa. Đến cuối kỳ trước khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán phải phân bổ chi phí thu mua hàng hóa cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ để tính giá vốn của hàng hóa đã bán và hàng hóa chưa bán cuối kỳ.

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi doanh nghiệp nhưng phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

1.1.5.2. Giá thực tế của hàng xuất kho:

a. Phương pháp tính theo giá đích danh

Nội dung: Phương pháp này đòi hỏi kế toán phải biết hàng hóa trong kho thuộc những lần nhập nào, đơn giá nhập là kg nhiều. Giá trị xuất dùng được tính chi tiết căn cứ vào số lượng và đơn giá của nó.

Ưu điểm: là phương pháp hợp lý nhất trong các phương pháp, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng hóa được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Nhược điểm: là phương pháp đòi hỏi nhiều công sức nhất vì phải nhận biết được giá gốc của từng đơn vị hàng hóa.

Điều kiện áp dụng: doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng hóa có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

b. Phương pháp bình quân gia quyền

Nội dung: Phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của hàng hóa được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng hóa tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng hóa được mua hoặc được sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một hàng hóa về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Trị giá thực tế Xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

- Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ:

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng hóa căn cứ vào giá nhập, lượng hàng hóa đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá trị đơn vị bình quân:

Giá trị hàng thực tế

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối kỳ gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn):

Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng hóa và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

**Trị giá hàng tồn kho sau
lần nhập thứ i**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ i sau lần nhập thứ i} = \frac{\text{Số lượng hàng tồn kho}}{\text{Số lượng hàng tồn kho}}$$

Ưu điểm: khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên

Nhược điểm: Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức.

Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, có lưu lượng nhập xuất ít, giá hàng hóa ít biến động.

c. Phương pháp nhập trước- xuất trước(FIFO)

Nội dung: Phương pháp này áp dụng dựa trên giá định là hàng hóa được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng hóa còn lại cuối kỳ là hàng hóa được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng hóa được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: Phương pháp này giúp có thể tính ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng hóa sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy, chỉ tiêu hàng hóa trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, đơn giá hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất của từng loại hàng hóa theo từng lần nhập.

d. Phương pháp giá bán lẻ:

Nội dung: Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác

như các đơn vị kinh doanh siêu thị giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó.

Ưu điểm: Việc thực hiện phương pháp này sẽ rút ngắn thời gian tính toán, và tính toán giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng.

Nhược điểm: Chỉ áp dụng riêng cho các đơn vị đặc thù.

Điều kiện áp dụng: Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự....

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp kế toán chi tiết sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

- Nguyên tắc: ở khi ghi chép về mặt số lượng, ở phòng kế toán ghi chép cả về số lượng lẫn giá trị từng thứ NVL

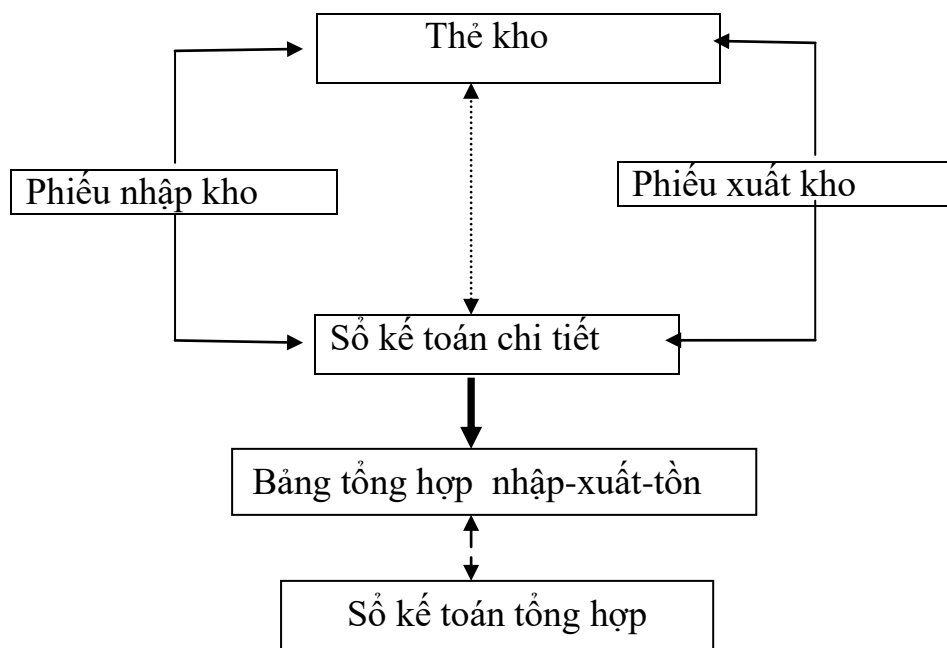
-Trình tự ghi chép:

+ *Ở kho:* Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất NVL ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu sổ tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

+ *Ở phòng kế toán:* Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm NVL tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán NVL phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Trình tự ghi sổ như sau(*Sơ đồ 1.1*).

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra cuối tháng: \longleftrightarrow

Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin cho quản trị hàng hóa.

Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất, phát sinh không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của các nhân viên kế toán chưa cao. Phương pháp này được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Phương pháp này được xây dựng trên cơ sở cải tiến phương pháp thẻ song song.

Trình tự ghi chép:

+ Ở kho: Theo phương pháp này thì việc của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tính hình nhập xuất tồn kho thứ vật liệu theo từng kho dùng cho cả năm. Sổ đối chiếu luân chuyển chỉ ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng.

- Điều kiện áp dụng: Đối với những doanh nghiệp có khối lượng chủng loại vật tư không quá nhiều, phù hợp với trình độ kế toán còn chưa ca

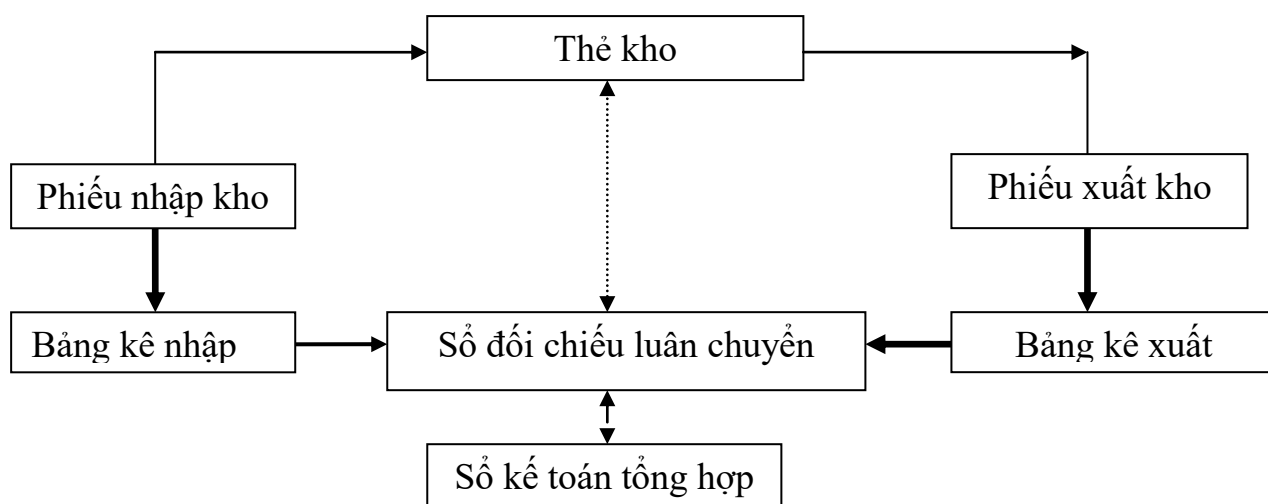
Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ thực hiện.

Nhược điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối tháng quá nhiều nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng khác nhau.

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại hàng hóa ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập-xuất-tồn hàng ngày. Phương pháp này thường ít được áp dụng trong thực tế.

Trình tự ghi sổ được khái quát(Sơ đồ 1.2)

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ▶ →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: →

Đối chiếu cuối tháng: ◄.....►

1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư

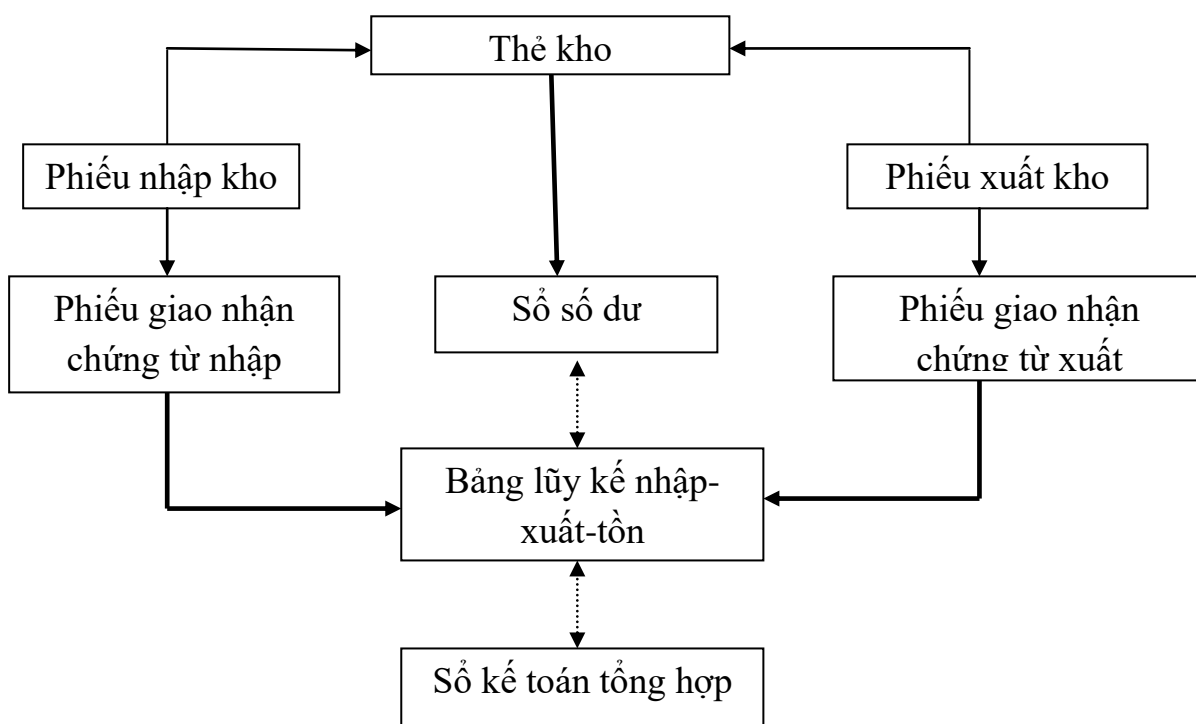
Tại kho: Hàng ngày hoặc định kì 3-5 ngày sau khi ghi thẻ xong, thủ kho phải tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập xuất kho phát sinh trong ngày hoặc trong kỳ theo từng nhóm hàng hóa quy định. Căn cứ vào kết quả phân loại chứng từ của từng loại hàng hóa lập phiếu giao nhận chứng từ kê rõ số lượng, số hiệu các chứng từ của từng loại hàng tồn kho. Phiếu giao nhận chứng từ phải lập riêng cho phiếu nhập kho một lần, phiếu xuất kho một lần. Phiếu này sau khi lập xong được đính kèm với các tập phiếu nhập hoặc phiếu xuất để giao cho kế toán. Cuối tháng thủ kho còn phải căn cứ vào các thẻ kho đã được kế toán kiểm tra, ghi số lượng hàng hóa cuối tháng để ghi vào sổ số dư. Ghi sổ số dư xong thủ kho chuyển giao cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

Phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập, xuất kho. Sau đó, kế toán ký nhận vào phiếu nhận chứng từ.

Mở bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất. Cuối tháng căn cứ vào các bảng kê này để cộng số tiền theo từng nhóm hàng hóa để ghi vào bảng kê lũy kế nhập-xuất-tồn kho. Đối chiếu số liệu bảng lũy kế nhập-xuất-tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Trình tự ghi sổ được khái quát qua sơ đồ 1.3. như sau:

Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ số dư



Ghi chú: Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu cuối tháng: \longleftarrow

Ưu điểm: Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, quản lý được hàng hóa, kế toán ghi chép đều đặn trong tháng đảm bảo cung cấp số liệu được chính xác và kịp thời, nâng cao công tác kế toán.

Nhược điểm: Không theo dõi được chi tiết đến từng loại hàng hóa, phải căn cứ vào thẻ kho mới có được số liệu tình hình nhập-xuất-tồn của từng loại hàng hóa.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên, doanh nghiệp xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng hệ thống điểm danh hàng hóa hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

1.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên

-Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kê khai phải tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất và tồn kho hàng hóa trên các tài khoản kế toán hàng hóa.

-Khi doanh nghiệp áp dụng việc hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên thì các tài khoản kế toán hàng hóa được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm hàng hóa. Do vậy, trị giá hàng hóa trên sổ kế toán có thể được xác định bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Công thức tính giá hàng hóa:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{hóa tồn kho} & = & \text{hóa tồn kho} & + & \text{hóa nhập} & - & \text{hóa xuất bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Tuy hạch toán phức tạp, tốn thời gian và phải ghi chép nhiều nhưng phương pháp này cung cấp thông tin về hàng hóa một cách kịp thời.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê hàng hóa, vật tư
-

❖ Tài khoản sử dụng

• **TK sử dụng 156- Hàng hóa**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hóa của doanh nghiệp kg gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

- **Bên Nợ**

+ Trị giá mua của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng(Kg gồm các loại thuế không được hoàn lại).

+ Chi phí thu mua hàng hóa.

+ Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại.

+ Trị giá hàng hóa bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

- **Bên Có**

+ Trị giá hàng hóa xuất kho để bán , giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc, thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh.

+ Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ.

+ Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng.

+ Các khoản giảm giá được mua được hưởng.

+ Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán.

+ Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê.

+ Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.

- **Số dư bên Nợ:**

+ Trị giá mua hàng hóa tồn kho.

+ Chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho.

• **Tài khoản 156-Hàng hóa có 3 tài khoản cấp 2:**

-*Tài khoản 1561*- Giá mua hàng hóa: Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hóa mua vào và đã nhập kho.

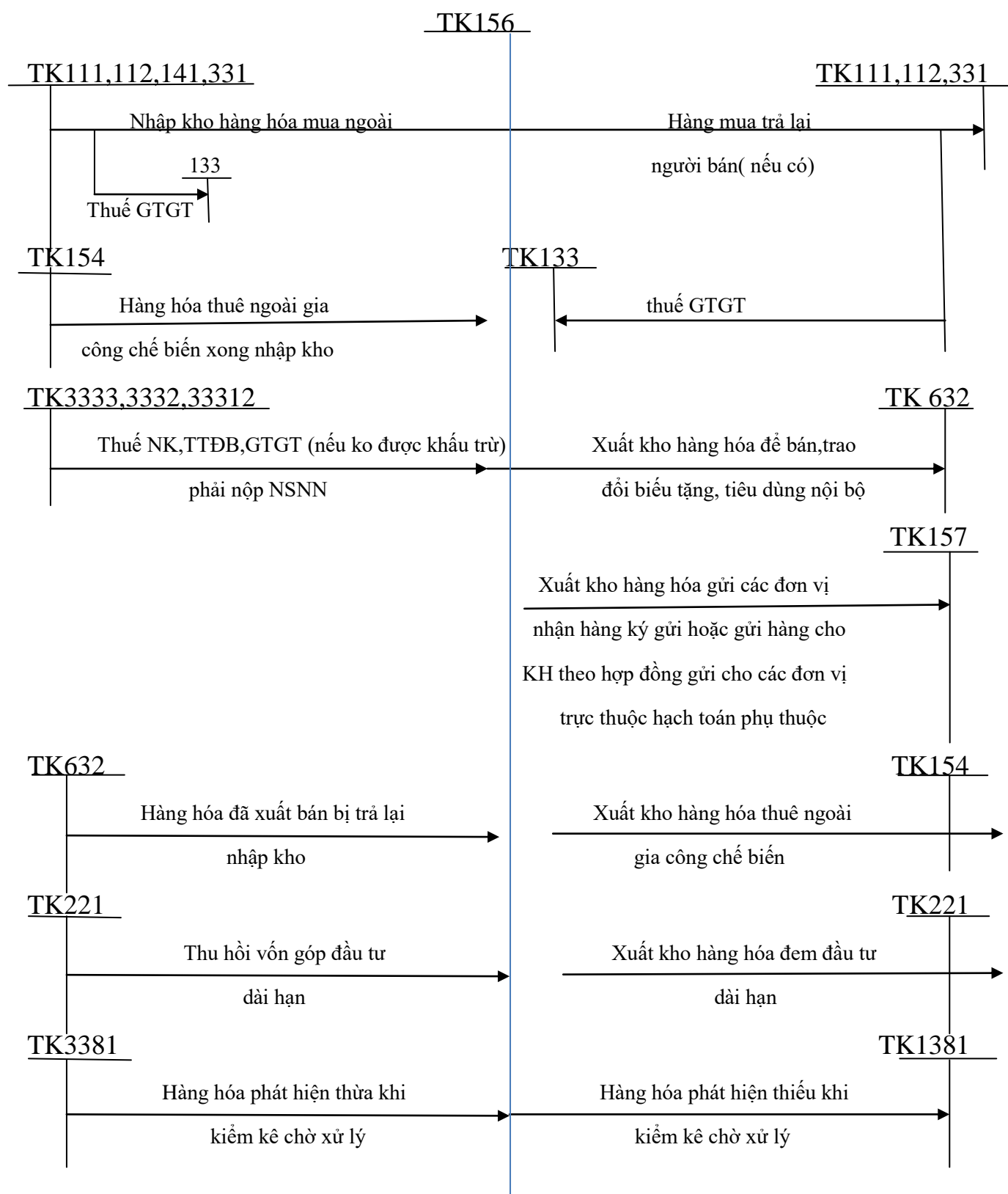
-*Tài khoản 1562*- Chi phí thu mua hàng hóa: Phản ánh chi phí thu mua hàng hóa phát sinh liên quan đến số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hóa hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hóa đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ(kể cả tồn trong kho, hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý và ký gửi chưa bán được). Chi phí thu mua hàng hóa hạch toán vào tài khoản này chỉ kg gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hóa như: Chi phí bảo hiểm hàng hóa, tiền thuê kho, thuê bến bãi,... chi phí vận chuyển, bốc xếp bảo quản đưa hàng hóa từ nơi

mua về đến kho doanh nghiệp, các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa.

- *Tài khoản 1567*- Hàng hóa bất động sản: Phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa bất động sản của doanh nghiệp.

Phương pháp hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện (*Sơ đồ 1.4*).

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ

-Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán và căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất bán} & = & \text{của hàng hóa} & + & \text{nhập trong} & - & \text{hóa tồn} \\ \text{của hàng hóa} & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy, theo phương pháp này mọi biến động của vật tư, hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng hóa. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên. Một tài khoản kế toán riêng(Tài khoản 611 “Mua hàng”).

Tài khoản sử dụng:

-TK 611- Mua hàng:

Tài khoản 611: không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2 là:

- + Tài khoản 6111: Mua nguyên, vật liệu
- + Tài khoản 6112: Mua hàng hóa

Tài khoản 6112- Mua hàng hóa được sử dụng để hạch toán biến động hàng hóa kỳ báo cáo(nhập, xuất) trong trường hợp đơn vị sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

-Nguyên tắc hạch toán quá trình luân chuyển trên tài khoản 6112- Mua hàng hóa được quy định.

+ Hàng hóa mua nhập kho vào theo các mục đích nhập đều căn cứ vào chứng từ để ghi cập nhật vào TK611.

+ Hàng xuất cho các mục đích được ghi một lần vào ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê đánh giá hàng tồn (tồn kho, tồn quầy, tồn đại lý, tồn gửi bán....)

Hàng tồn kiểm kê sẽ được trị giá theo phương pháp thích hợp được lựa chọn áp dụng tại đơn vị hạch toán trên TK611- Mua hàng.

Kết cấu, nội dung phản ánh trên TK611- Mua hàng.

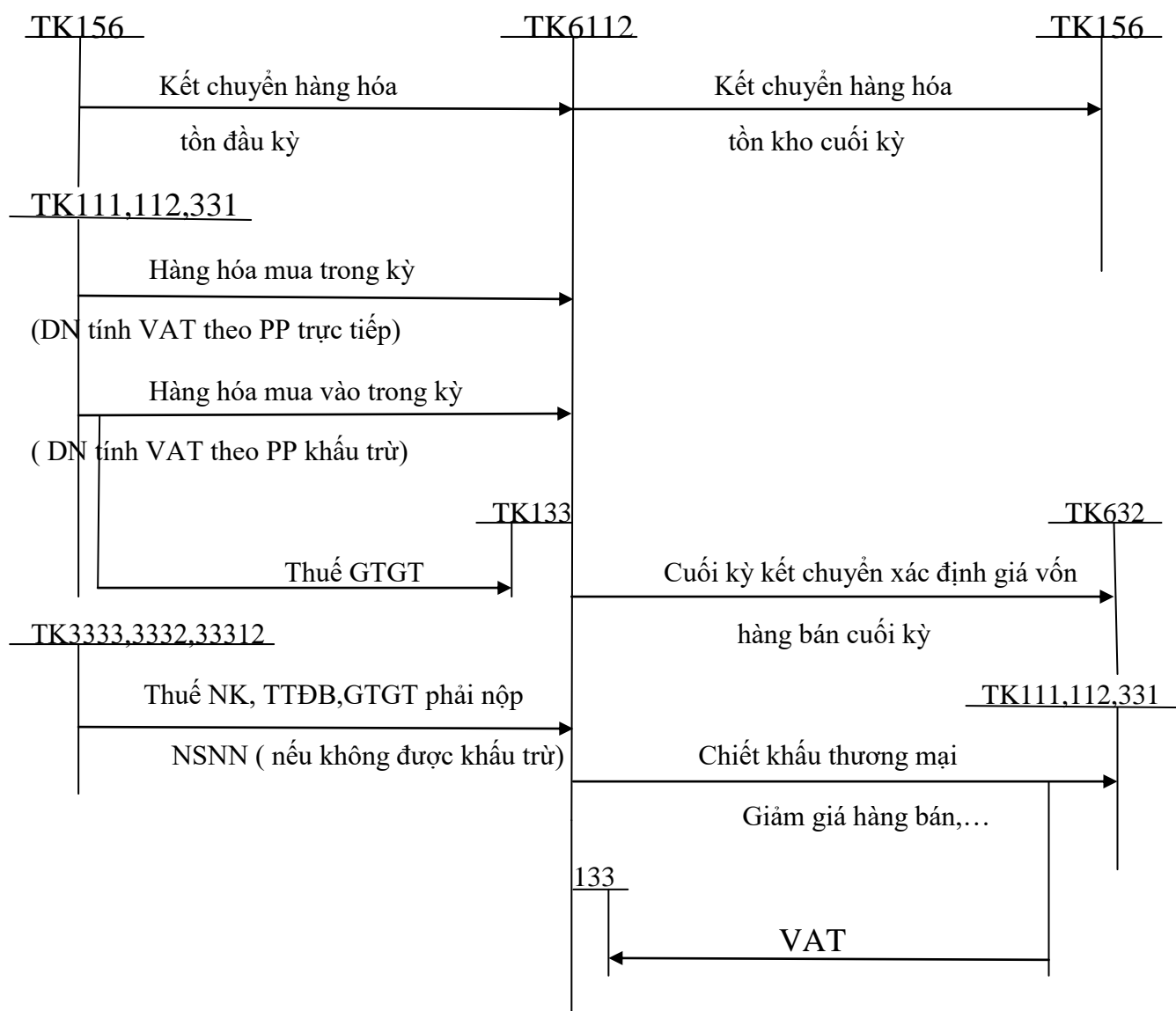
-Bên Nợ:

- + Trị giá vốn thực tế hàng hóa nhập mua và nhập khác trong kỳ.
- + Trị giá vốn hàng hóa tồn đầu kỳ kết chuyển (tồn kho, tồn quầy, tồn gửi bán cho khách, tồn đơn vị bán, đại lý kí gửi...).

-Bên Có:

- + Trị giá vốn của hàng hóa tồn cuối kỳ
- + Giảm giá hàng hóa mua và chiết khấu thương mại được hưởng.
- + Trị giá vốn thực tế của số hàng hóa xuất bán trong kỳ(ghi ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê).

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giảm giá hàng hóa tồn kho có thể xảy ra trong kế hoạch. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm. Khoản dự phòng nói trên được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo của doanh nghiệp giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính để bù đắp khoản tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, bảo đảm cho doanh nghiệp

phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho không cao hơn giá cả trên thị trường hoặc giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- **Phương pháp xác định mức dự phòng**

-Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng hàng hóa tồn kho thực tế của hàng hóa để xác định mức dự phòng.

Xác định mức dự phòng theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự hóa} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng} \\ \text{thực tế} \\ \text{tồn kho tại} \\ \text{thời điểm lập} \\ \text{báo cáo} \\ \text{tài chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{tồn kho} \\ \text{theo sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần} \\ \text{có thể thực} \\ \text{hiện được} \\ \text{của hàng hóa} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right)$$

-Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng hóa bị giảm giá và tổng hợp bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho của doanh nghiệp.

❖ Tài khoản sử dụng TK159- các khoản dự phòng dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Các khoản dự phòng này được lập để ghi nhận các khoản tổn thất có thể phát sinh do sự giảm giá của chứng khoán ngắn hạn doanh nghiệp đang nắm giữ, sự giảm giá của các loại hàng tồn kho và do phát sinh các khoản thu khó đòi.

- **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK159- Các khoản dự phòng:**

Bên Nợ:

- Giá trị dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn năm trước.
- Giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, được bù đắp bằng số dự phòng đã trích lập.

- Giá trị dự phòng các khoản phải thu khó đòi được hoàn nhập trong trường hợp số phải lập năm nay lớn hơn số còn lại của năm trước.

Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

-Số dư Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ:

TK 159: Các khoản dự phòng, có 3 tài khoản cấp 2

TK 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK159(3): Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

-Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch(bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán(chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159(3): Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho

-Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK159(3): Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu số, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một số hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

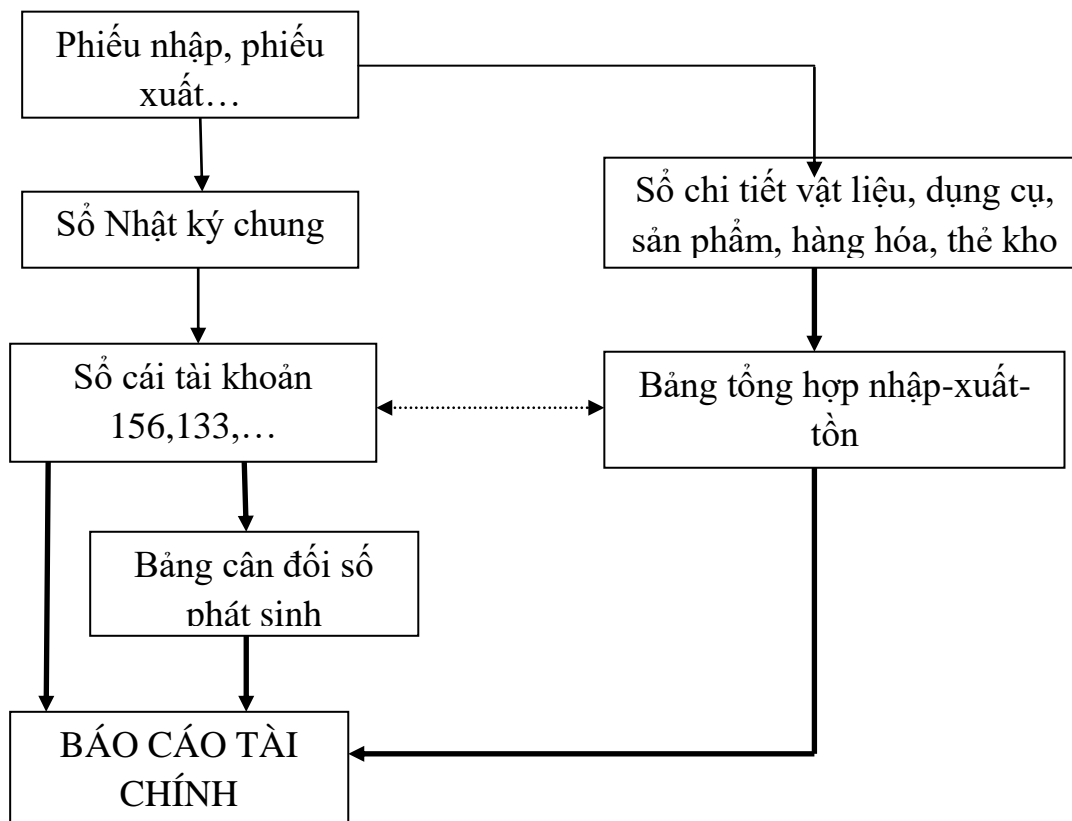
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi sổ Nhật ký chung, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký chung (Sơ đồ 1.6)

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán nhật ký chung:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

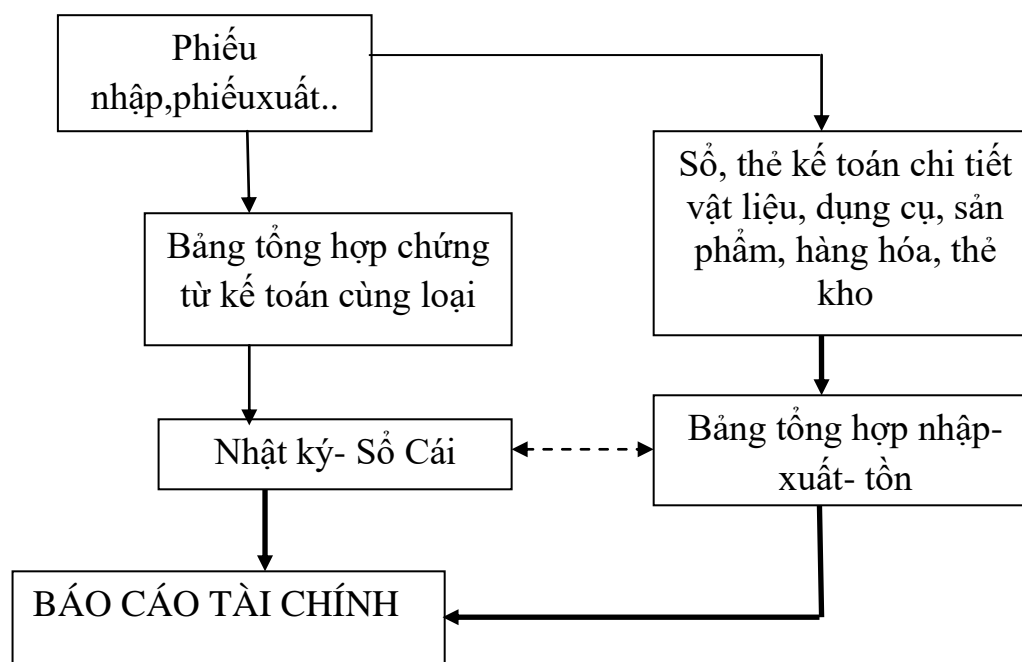
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái : Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế(theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để vào sổ Nhật ký-Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bằng bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức Nhật ký- Sổ cái (Sơ đồ 1.7)

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp kg gồm:

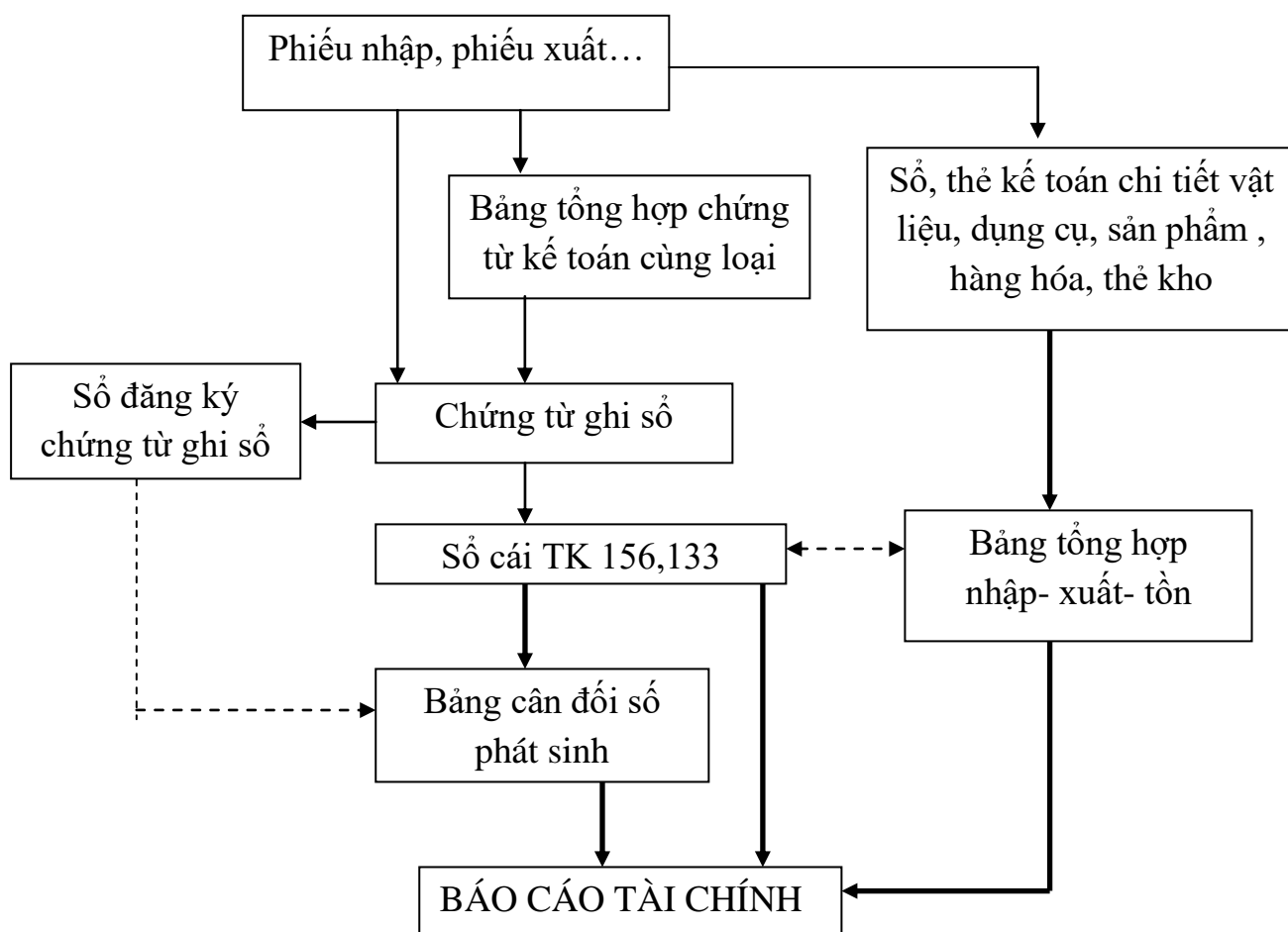
- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức chứng từ ghi sổ(Sơ đồ 1.8)

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

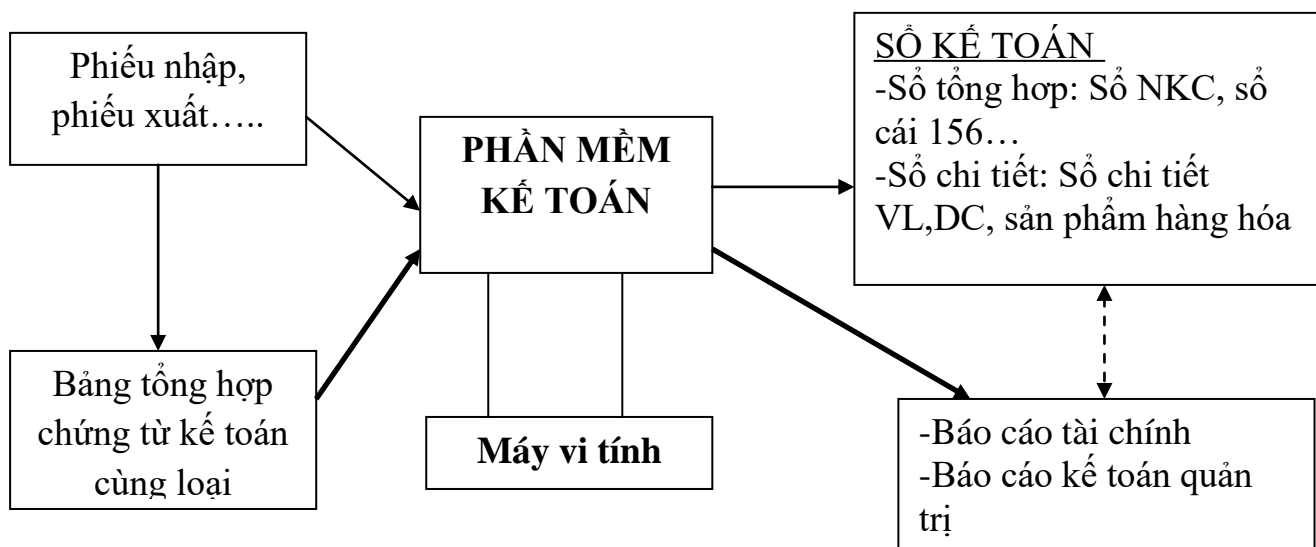
Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

1.4.4. Hình thức kế toán trên máy tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán máy: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán. Hình thức kế toán Nhật ký chung, nhật ký sổ cái, chứng từ ghi sổ hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á

2.1. Khái quát chung công ty TNHH thương mại dịch vụ Đông Nam Á

Tên công ty: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á.

- Người đại diện pháp luật: Phạm Văn Phú

Chức vụ: Giám đốc Công ty

- Địa chỉ doanh nghiệp: số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

- Mã số thuế: 0200509411

- Điện thoại: 0313550315

- Ngày hoạt động: 01/11/2007

- *Ngành nghề kinh doanh :*

+ Bán buôn, bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

+ Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; thiết bị công nghệ thông tin.

+ Dịch vụ cho thuê máy tính, laptop, thiết bị văn phòng.

+ Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

+ Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.(que hàn the, sắt, thép....)

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

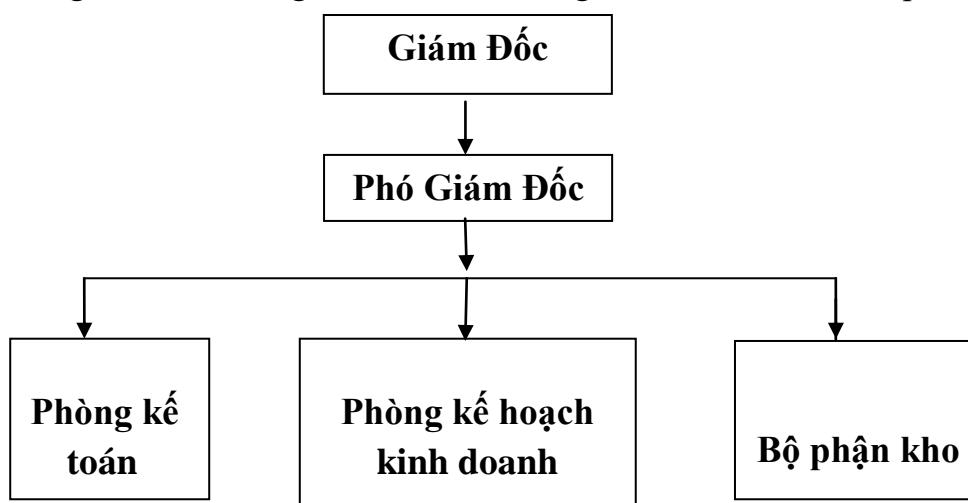
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á được thành lập vào ngày 01/11/2007 do Ủy ban Thành phố Hải Phòng cấp phép, hoàn toàn độc lập về nguồn vốn cũng như năng lực trong suốt thời gian hình thành và phát triển. Sau khi thành lập, công ty đi vào hoạt động trong điều kiện hết sức khó khăn. Nguồn vốn hạn chế, cơ sở vật chất còn nhỏ bé. Với tinh thần trách nhiệm cao và quyết tâm cao của cán bộ công nhân viên trong công ty đã từng bước chinh đốn bộ máy, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Từ khi thành lập đến nay luôn được đánh giá hoàn thành

nhiệm vụ kinh doanh và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bằng khả năng kinh doanh của mình công ty đã tạo được nhiều uy tín không chỉ ở riêng Hải Phòng mà còn ở trên toàn quốc.

Hoạt động của công ty theo Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Chính thức đi vào hoạt động kinh doanh từ năm 2007 trong nền kinh tế thị trường đầy biến động và hướng tới khẳng định mình trong một môi trường cạnh tranh quyết liệt với phương châm “ Chất lượng là số 1”, công ty luôn tâm tâm nhiệm sự hài lòng và niềm tin của khách hàng vào công ty là thứ tài sản quý giá nhất

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới được thể hiện qua sơ đồ 2.1.



Nguồn: tài liệu nội bộ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

* Giám đốc

- Có trách nhiệm thiết lập, duy trì và chỉ đạo việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng trong toàn công ty.
- Xem xét, phê duyệt các chương trình kế hoạch công tác, nội quy, quy định trong công ty và các chiến lược sản xuất kinh doanh, bán hàng do cấp dưới soạn thảo.
- Định hướng hỗ trợ các phòng ban hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

* Phó Giám đốc

- Phụ trách công tác đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh.
- Trực tiếp tổ chức, quản lý điều hành các phòng ban do yêu cầu của Giám đốc đề ra.
- Chủ tịch hội đồng bảo hộ lao động, hội đồng sáng kiến cải tiến, phụ trách công tác nâng bậc cho công nhân viên.
- Đảm bảo việc thúc đẩy các bộ phận. công nhân viên trong công ty nhận thức được các yêu cầu về chính sách chất lượng của công ty.

*** Phòng kế toán:**

- Xây dựng các quy chế về quản lý tài chính và kế hoạch trong toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty. Xây dựng phương pháp thực hiện phân bổ chi phí. tính giá thành hàng hóa.
- Huy động và sử dụng vốn các nguồn lực tài chính một cách an toàn, tiết kiệm, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các quy định Nhà nước.
- Thực hiện tốt công tác kế hoạch kế toán, lập báo cáo quyết toán đúng và đủ theo quy định. Đề xuất các biện pháp để thực hiện công tác kế toán và quản lý tài chính, quản lý kinh tế với hiệu quả cao nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tuân thủ và giám sát việc thực hiện chế độ kế toán theo chế độ hiện hành.
- Thực hiện chức năng kiểm soát viên tài chính tại công ty. Tổ chức, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tài chính thường xuyên và theo quý, 6 tháng và cả năm cho các đơn vị nội bộ.
- Kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính, thuế gửi các cơ quan quản lý Nhà nước.

*** Phòng kế hoạch kinh doanh**

- Quản lý thị trường và marketing, bán lẻ hàng hóa.
- Tham mưu giúp Giám đốc xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Tham mưu giúp Giám đốc soạn thảo các hợp đồng kinh tế theo đúng nội dung của pháp lệnh hợp đồng kinh tế và các quy định của Nhà nước trước khi trình Giám đốc phê duyệt. Đồng thời giúp Giám đốc giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, phát hiện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.

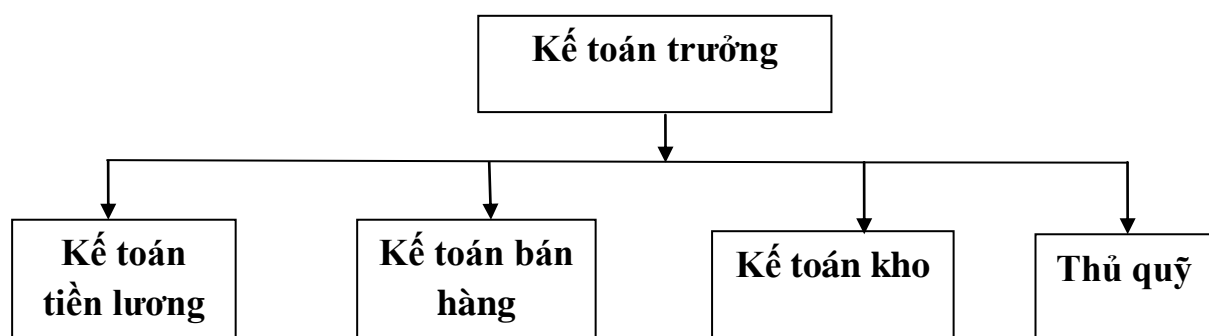
***Bộ phận kho:**

- Quản lý xuất nhập tồn và mua hàng, bán hàng.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á được tổ chức theo mô hình gọn nhẹ, giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Chức năng, nhiệm vụ từng kế toán:

Kế toán trưởng:

Là người phụ trách chung công tác kế toán của công ty. là người chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo trực tiếp bộ máy kế toán toàn công ty, tổ chức hướng dẫn các nghiệp vụ cũng như việc nghiên cứu triển theo chế độ kế toán hiện hành. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Nhà nước về tổ chức công tác kế toán tài chính. hướng dẫn kiểm tra tình hình thực hiện các chế độ kế toán của Nhà nước, lập báo tài chính, xét duyệt các báo cáo kế toán của công ty trước khi gửi tới cơ quan chức năng, tham gia góp ý kiến với lãnh đạo về hoạt động tài chính để có biện pháp quản lý đầu tư kịp thời có hiệu quả.

Kế toán tiền lương:

Tổ chức hạch toán ban đầu về lao động tiền lương. tổ chức ghi chép ban đầu, ghi sổ kế toán, báo cáo phân tích thông tin về lao động tiền lương với Giám đốc. Trích bảo hiểm xã hội. bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn trong chi phí đó tính lương phải trả cho nhân viên. Đánh giá kịp thời đầy đủ chính xác làm cơ sở hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp. Lựa chọn các phương thức thanh toán hợp lý với đặc điểm yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

đồng thời cung cấp tài liệu cho việc phân tích hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương.

Kế toán bán hàng:

Ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời và chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ. Tính toán phản ánh chính xác tổng giá thanh toán của hàng bán ra kg gồm cả doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc. Xác định chính xác giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ đồng thời phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ. Cuối tháng thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kiểm tra đôn đốc tình hình thu hồi và quản lý nợ, theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, lô hàng, số tiền khách nợ, thời hạn và tình hình trả nợ.

Kế toán kho:

Có trách nhiệm quản lý và theo dõi các loại hàng hóa và doanh thu có trong kho của doanh nghiệp, theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho hàng hóa và các sổ sách kế toán có liên quan tới kho của doanh nghiệp.

Thủ quỹ:

Có nhiệm vụ theo dõi công việc thu- chi của công ty và chịu trách nhiệm thu- chi tiền mặt của công ty khi có chứng từ hợp lệ. Chi trả lương cho nhân viên đúng thời hạn quy định. Theo dõi việc giao dịch cho ngân hàng để đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh có thể diễn ra liên tục.

2.1.3.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm tínhthuếgiátrịgiatăngthepươngphápkhấutrừ.
- Đơn vị tiền tệ: đồng ViệtNam.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho thực hiện theo phương pháp kê khai thườngxuyên.
- Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp : Bình quân gia quyền liênhoàn.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

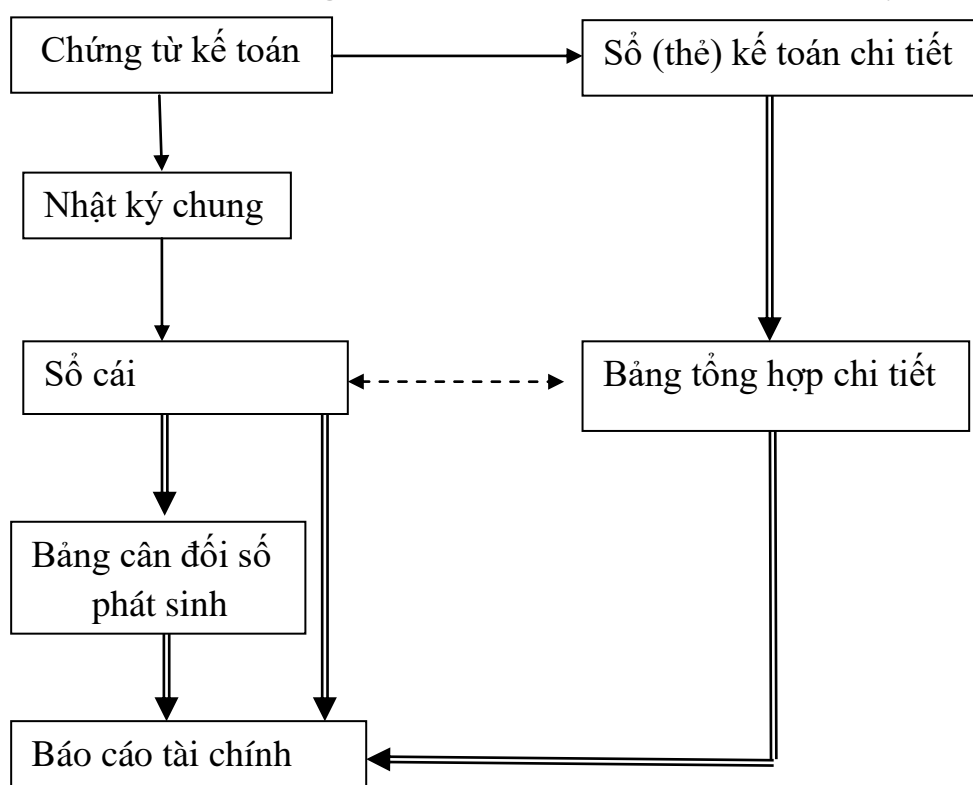
Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản.

Công ty tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được mô tả qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản phù hợp.

- Cuối tháng cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính kg gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01- DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02- DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09- DNN)

2.2. Thực trạng kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á

2.2.1. Đặc điểm về hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á

Hàng hóa kinh doanh tại công ty là các loại sắt thép xây dựng do đó nguồn cung ứng chính là công ty Cổ phần thép Hoa Phượng, Công ty Cổ phần Thép Hùng Cường, Công ty Thép Việt Hàn.... Thị trường hàng hóa không những ở Hải Phòng mà còn phân bố khắp các tỉnh thành của cả nước. Các mặt hàng chủ yếu:

- Thép hộp
- Thép thanh
- Thép ống đúc
- Thép tấm các loại : SS004,A515,...
- Thép hình, thép ống tròn.....

2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á

2.2.2.1. Thủ tục nhập – xuất hàng hóa

❖ Nhập hàng hóa:

- Trước hết, căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng hóa. Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh sẽ trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký xét duyệt. Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc sẽ trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán.
- Hàng hóa mua về phải có hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan.
- Căn cứ vào số liệu thực tế và hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho hàng hóa được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ

Liên 3: Thủ kho giữ để vào thẻ kho

- Trường hợp hàng hóa không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng kinh doanh cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi kiểm tra chỉ nhập kho hàng hóa đúng phẩm chất đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

Giá thực tế hàng hóa nhập kho được tính như sau:

Giá thực tế hàng hóa nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn của người bán	+	Chi phí thu mua thực tế	-	Các khoản giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại
--------------------------------------	----------	---	----------	--------------------------------	----------	---

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có VAT
- Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình mua kg gồm: Vận chuyển, xếp dỡ, hao hụt tự nhiên,....
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng là những khoản được giảm từ khi mua hàng phát sinh sau khi đã phát hành hóa đơn.

❖ **Xuất hàng hóa**

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á chủ yếu xuất kho là để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Hàng hóa sau khi được kiểm tra theo đúng các quy định sẽ bắt đầu tiến hành làm thủ tục xuất kho.

- Khách hàng đến mua hàng, phòng kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển chokế toán kho. Kế toán kho kiểm tra xem hàng hóa có đủ không và tiến hành lập phiếu xuất kho cho khách hàng.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Phòng kế toán dùng ghi sổ

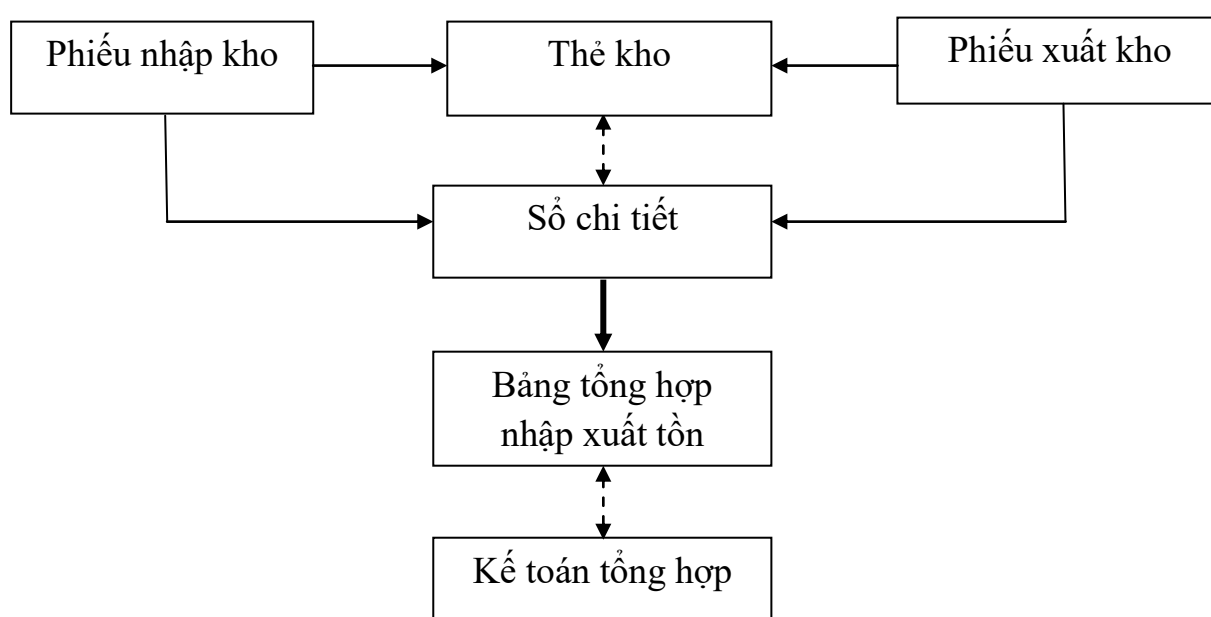
Liên 3: Chuyển cho thủ kho

- Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hóa. Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hóa đơn GTGT và biên bản giao nhận hàng hóa.

2.2.2.2. Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á

Hàng hóa trong công ty có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán hàng tồn kho phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của hàng hóa. Hạch toán chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm quản lý chặt chẽ hơn tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp.

Kế toán thực hiện hình thức hạch toán chi tiết hàng tồn kho phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á đó là hình thức thẻ song song.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kì —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Do đó, việc hạch toán chi tiết kế toán hàng tồn kho được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận: kế toán và kho.

-Tại kho: Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kì thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng loại hàng hóa sẵn sàng xuất bán khi có yêu cầu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất phát sinh thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho hàng hóa vào sổ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế so với số liệu trên thẻ kho.

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Số lượng} & & \textit{Số lượng} & & \textit{Số lượng} & & \textit{Số lượng} \\ \textit{tồn cuối} & = & \textit{tồn đầu} & + & \textit{nhập} & - & \textit{xuất kho} \\ \textit{kỳ} & & \textit{kỳ} & & \textit{trong kỳ} & & \textit{trong kỳ} \end{array}$$

-**Tại phòng kế toán:** Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại hàng hóa tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất kho hàng hóa do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ.

Hàng ngày, sau khi ghi chép xong toàn bộ các chứng từ nhập, xuất kho lên sổ hoặc thẻ chi tiết, kế toán tiến hành cộng và tính số tồn kho cho từng loại hàng hóa.

Ví dụ 1: Ngày 10/10/2016, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á mua 5000 kg thép ống mạ từ 15.9 đến 114 của Công ty thép Việt Úc theo HĐ GTGT số 0002345 với trị giá hàng mua chưa thuế GTGT 10% là 77.500.000 đồng, đơn giá hàng nhập kho là 15.500đ/kg. Sau khi kiểm kê nhận hàng đủ và nhập kho theo Biên bản giao nhận, kế toán lập Phiếu nhập kho số 21/10 chưa thanh toán:

Kế toán định khoản:

Nợ TK 156: 77.500.000

Nợ TK 133: 7.750.000

Có TK 331: 85.250.000

- Từ hóa đơn GTGT 2345, phiếu nhập kho 21/10 và biên bản bàn giao thủ kho tiến hành ghi vào thẻ kho thép ống mạ từ 15.9 đến 114 (biểu số 2.9), kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa (biểu số 2.11)
- Cuối kỳ lập bảng nhập- xuất- tồn và đối chiếu số liệu ở bảng nhập- xuất- tồn với sổ cái TK 156, đối chiếu số liệu ở thẻ kho với số liệu ở sổ chi tiết.

Ví dụ 2: Ngày 12/10/2016, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á xuất bán 1000 kg thép ống mạ từ 15.9 đến 114 cho Công ty TNHH Hoàng Nam với trị giá xuất kho là 15.419.000 đồng, chưa thanh toán.

Cách xác định đơn giá thép ống mạ từ 15.9 đến 114 xuất kho như sau:

Trị giá thép ống mạ từ 15.9 đến 114 tồn đầu kỳ là 22.725.000 đồng. Trong đó, số lượng hàng tồn kho là 1500 kg. Đơn giá hàng tồn là 15.150đ/kg.

Ngày 10/10/2016, Công ty mua thép ống mạ từ 15.9 đến 114 nhập kho số lượng 5000kg, đơn giá nhập kho là 15.500đ/kg, tổng trị giá hàng nhập kho là 77.500.000đồng.

Vậy đơn giá thép ống mạ từ 15.9 đến 114 xuất kho ngày 12/10/2016 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn} \\ \text{giá} \\ \text{xuất} \\ \text{thép} \\ \text{ống mạ từ} \\ \text{15.9 đến 114} \end{array} = \frac{1500 \times 15.150 + 5000 \times 15.500}{1500 + 5000} = 15.419$$

$$\begin{aligned} \text{Trị giá xuất kho ngày 12/10} &= 15.419\text{đ/kg} \times 1000 \text{ kg} \\ &= 15.419.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Từ phiếu xuất kho bán hàng cho khách hàng thủ kho tiến hành ghi vào các thẻ kho thép ống mạ từ 15.9 đến 114(biểu số 2.10) kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa(biểu số 2.13).

Cuối kỳ đối chiếu số liệu ở bảng nhập- xuất- tồn với sổ cái TK 156, thủ kho sẽ đối chiếu số liệu ở thẻ kho với số liệu ở sổ chi tiết.

Ví dụ 3: Ngày 11/10/2016 Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á mua 2000 que hàn chịu lực của Công ty TM DV XNK Đại Lộc. Theo HĐ GTGT số 0008327 với trị giá mua chưa thuế GTGT 10% là 160.000.000 đồng đơn giá mua 80.000đ/kg. Sau khi kiểm kê nhận hàng đủ và nhập kho theo Biên bản giao nhận, kế toán lập Phiếu nhập kho số 28/10. Công ty chưa thanh toán tiền hàng.

Kế toán định khoản

Nợ TK 156: 160.000.000

Nợ TK 133: 16.000.000

Có TK 331: 176.000.000

Từ HĐ GTGT 8327, phiếu nhập kho 28/10 và biên bản giao nhận thủ kho tiến hành ghi vào thẻ kho que hàn (biểu số 2.10), kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa(biểu số 2.12).

Cuối kỳ lập bảng nhập- xuất- tồn và đối chiếu số liệu ở bảng nhập- xuất- tồn với sổ cái TK156, thủ kho sẽ đối chiếu số liệu ở thẻ kho với số liệu ở sổ chi tiết.

Ví dụ 4: Ngày 14/10/2016, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á xuất bán 550 kg que hàn chịu lực cho Công ty TNHH Phú Minh với trị giá xuất kho 43.292.700đồng, chưa thanh toán.

Cách xác định đơn giá xuất kho như sau:

Trị giá que hàn chịu lực tồn đầu kỳ là 60.400.000 đồng. Trong đó, số lượng hàng tồn là 800 kg. Đơn giá hàng tồn là 75.500đ/kg.

Ngày 11/10/2016, Công ty mua que hàn chịu lực nhập kho số lượng là 2000 kg, đơn giá 80.000đ/kg, tổng trị giá hàng nhập kho là 160.000.000 đồng.

Vậy đơn giá que hàn chịu lực xuất kho ngày 14/10/2016 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất que} \\ \text{hàn} \\ \text{chịu lực} \end{array} = \frac{75.500 \times 800 + 2000 \times 80.000}{800 + 2000} = 78.714$$

$$\begin{aligned} \text{Trị giá xuất kho ngày 14/10/2016} &= 78.714 \text{đ/kg} \times 550 \text{kg} \\ &= 43.292.700 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Từ phiếu xuất kho bán hàng cho khách hàng thủ kho tiến hành ghi vào thẻ kho que hàn chịu lực (biểu số 2.10), kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa (biểu số 2.12).

Cuối kỳ đối chiếu số liệu ở bảng nhập- xuất- tồn với sổ cái TK 156, thủ kho sẽ đối chiếu số liệu ở thẻ kho so với số liệu ở sổ chi tiết.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/16P

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 0002345

Ngày 16 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tiến Đạt

Địa chỉ: Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200900168

Điện thoại: 0313.391.806 Số TK: 02002323233 tại NH BIDV Hải Phòng.

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Nam

Tên đơn vị Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Địa chỉ: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200509411

Hình thức thanh toán : chuyển khoản Số tài khoản:023898988989 tại NH BIDV Hải Phòng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép ống mạ từ 15.9 đến 114	Kg	5000	15.500	77.500.000
Cộng tiền hàng					77.500.000
Thuế suất GTGT: 10% tiền thuế GTGT					7.750.000
Tổng cộng tiền thanh toán					85.250.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty TNHH

Thương mại PHIẾU NHẬP KHO

Dịch vụ Đông Nam Á

Địa chỉ: số 16 Đà Nẵng, Ngày 10/10/2016

phường Máy Tơ,

quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Họ tên người giao hàng: Trần Tuấn Anh

Theo HĐGTGT số 0002345 của công ty Thép Việt Úc

Nhập kho tại: kho số 1

Mẫu số: 01-VT

(Ban hành theo quyết

Số 21/10định 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2016 của

Bộ Tài Chính)

Nợ TK156

Có TK331

STT	Tên nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	1	2	3	4
1	Thép ống mạ từ 15.9 đến 114	Kg	5000	5000	15.500	77.500.000
	Cộng					77.500.000

(Chưa kg gồm VAT 10%)

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 10 tháng 10 năm 2016

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/16P

Liên 3: Nội bộ

Số: 000675

Ngày 12 tháng 10 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Địa chỉ: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200509411

Điện thoại: 0313.550.315

Số TK: 023898988989 tại NH BIDV Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Hoàng Nam

Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200658901

Hình thức thanh toán: tiền mặt

Số tài khoản: 02347423370 tại NH

BIDV Hải Phòng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép ống mạ từ 15.9 đến 114	Kg	1000	16.200	16.200.000
Cộng tiền hàng					16.200.000
Thuế suất GTGT 10% tiền thuế GTGT					1.620.000
Tổng cộng tiền thanh toán					17.820.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4. Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại

Mẫu số: 02-VT

Dịch vụ Đông Nam Á

(Ban hành theo quyết định

Đc: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,

48/2006/QĐ-BTC ngày

quận Ngô Quyền, Hải Phòng

14/09/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 10 năm 2016

Nợ 632

Số 32/10

Có 156

Họ tên người nhận hàng: Bùi Đăng Chung

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Bán hàng cho Công ty TNHH Hoàng Nam

Xuất tại kho: kho số 1.... Địa điểm: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

STT	Tên, nhãn hiệu, phẩm chất, quy cách vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Thép ống mạ từ 15.9 đến 114		Kg	1000	1000	15.419	15.419.000
Cộng							15.419.000
Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng.							

Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 12 tháng 10 năm 2016

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu:AA/16P

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 000867

Ngày 11 tháng 10 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TM DV XNK Đại Lộc

Địa chỉ: 79 Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng.....

Mã số thuế: 0200900117.....

Điện thoại: 03133916876Số tài khoản:02344455565 Tại NH Techcombank HP

Họ tên người mua hàng: Trần Quang Thắng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.....

Địa chỉ: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200509411.....

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Số tài

khoản:023898988989 Tại NH BIDV Hải Phòng.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Que hàn chịu lực	Kg	2000	80.000	160.000.000
Cộng tiền hàng:					160.000.000
Thuế suất GTGT: 10% tiền thuế GTGT					16.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					176.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6. Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại

Mẫu số: 01-VT

Dịch vụ Đông Nam Á

(Ban hành theo quyết định

Đc: Số 16 Đà Nẵng

PHIẾU NHẬP KHO

48/2006/QĐ-BTC ngày

phường Máy Tơ

Ngày 11 tháng 10 năm 2016

14/09/2006

quận Ngô Quyền,

Số 5/10

của BTC

Hải Phòng

Họ tên người giao hàng: Phạm Quang Trường

Nợ TK156

Theo HĐGTGT số 0008327 của Công ty TM DV XNK Đại Lộc

Có TK331

Nhập tại kho: kho số 1

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Que hàn chịu lực	Kg	2000	2000	80.000	160.000.000
Cộng						160.000.000

(chưa kg gồm VAT 10%)

Tổng số tiền(bằng chữ): Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 11 tháng 10 năm 2016

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.7. Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại

Dịch vụ Đông Nam Á

Đc: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo quyết định

48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 36/10

Nợ TK632

Ngày 14 tháng 10 năm 2016

Có TK156

Họ tên người nhận hàng: Bùi Văn Trung

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Lý do xuất: Xuất bán cho Công ty TNHH Phú Minh

Xuất tại kho: kho số 1

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Que hàn chịu lực		Kg	550	550	78.714	43.292.700
Cộng							43.292.300

Tổng số tiền: Bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 14 tháng 10 năm 2016

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.8. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/16P

Số: 000683

Ngày 14 tháng 10 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á

Địa chỉ: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.550.315 Số tài khoản: 123898988989 tại NH BIDV Hải Phòng

Mã số thuế: 0200509411

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Phú Minh

Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200575901

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 012242244345 tại NH BIDV Hải Phòng.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Que hàn chịu lực	Kg	550	80500	44.275.000
Cộng tiền hàng					44.275.000
Thuế suất GTGT: 10% tiền thuế GTGT					4.427.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					48.682.500
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi tám triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn năm trăm nghìn đồng					

Người mua hàng
(ký, họ tên)

Người bán hàng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Biểu số 2.9. Thẻ kho

Mẫu số: S009-DNN

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á**

**(Ban hành theo quyết định
48/09/2006 của BTC)**

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/10/2016

Tên , nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép ống mạ từ 15.9 đến 114

Đơn vị tính: Kg

Mã số:01

STT	NT	SHCT		Diễn giải	Ngày X_N	Số lượng			Ký xác nhậ n của kế toán
		SH	CT			N	X	T	
				<u>Tồn đầu tháng 10</u>				<u>1500</u>	
1	10/10	PN 21/10		Mua nhập kho của Cty TNHH Phát Đạt	16/10	5000		6500	
2	12/10		PX 32/10	Xuất bán cho cty TNHH Hoàng Phát	12/10		1000	5500	
3	13/10		PX 33/10	Xuất bán cho cty TNHH Tấn Phát	13/10		1800	3700	
4	14/10		PX 34/10	Xuất bán cho cty TNHH Quốc Toàn	14/10		2500	1200	
				
				<u>Cộng cuối tháng 10</u>		<u>15.000</u>	<u>15.300</u>	<u>1200</u>	

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10. Thẻ kho

CTY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á

Mẫu số: S09-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/10/2016

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Que hàn chịu lực

Đơn vị tính: kg

Mã số:

TT	NTG S	SHCT		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		N	X			N	X	T	
				<u>Tồn đầu tháng 10</u>				<u>800</u>	
1	11/10	PN28 /10		Mua <u>nhập</u> kho của công ty CP thép Phát Đạt	11/10	2000		2800	
2	14/10		PX36/ 10	Xuất bán cho công ty TNHH Hoàng Phát	14/10		550	2250	
3	15/10		PX37/ 10	Xuất bán cho cty TNHH Tấn Phát	15/10		800	1450	
4	16/10		PX38/ 10	Xuất bán cho cty TNHH Quốc Toàn	16/10		500	950	
				
				<u>Công cuối tháng</u> <u>10</u>		<u>12000</u>	<u>11850</u>	<u>950</u>	

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.11.

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á**
Đc: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S07-DNN
(Ban hành theo quyết định
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tài khoản 156

Tên hàng hóa: Thép ống mạ từ 15.9 đến 114

Năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Tồn đầu tháng 10		15.150					1500	22.725.000
PN21/1 0	10/10	Mua NK của Cty TNHH Phát Đạt	112	15.500	5000	77.500.000			6500	100.225.000
PX32/1 0	12/10	Xuất bán cho cty Hoàng Nam	632	15.419			1000	15.419.000	5500	84.806.000
PX33/1 0	13/10	Xuất bán cho cty Tấn Phát	632	15.419			1800	27.754.200	3700	57.051.800
PX34/1 0	14/10	Xuất bán cho cty Quốc Toàn	632	15.419			2500	38.547.500	1200	18.504.300
	
		Cộng phát sinh		15.419	15.000	234.700.000	15.300	235.910.700		
		Tồn cuối kỳ							1200	21.514.300

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Biểu số 2.12

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á**
Đc: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S07-DNN
(Ban hành theo quyết định
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tài khoản: 156

Tên hàng hóa: Que hàn chịu lực

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
			<u>Tồn đầu tháng 10</u>		<u>75.500</u>					<u>800</u>	<u>60.400.000</u>
11/10	PN2 8/10	11/10	Mua NK của cty TM DV XNK Đại Lộc	112	80.000	2000	160.000. 000			2800	220.400.0 00
14/10	PX3 6/10	14/10	Xuất kho bán cho cty Hoàng Nam	632	78.714			550	43.292.700	2250	177.107.3 00
15/10	PX3 7/10	15/10	Xuất bán cho cty Tấn Phát	632	78.714			1000	78.714.000	1250	98.393.30 0
16/10	PX3 8/10	16/10	Xuất bán cho cty Quốc Toàn	632	78.714			500	39.357.000	750	59.036.30 0
.....
			Cộng phát sinh			12.000	950.635. 900	11.850	932.760.900		
			<u>Tồn cuối tháng 10</u>							950	78.275.000

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Biểu số 2.13

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại

Dịch vụ Đông Nam Á

Đc: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,

quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S08-DNN

(Ban hành theo quyết định

48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP- XUẤT- TỒN KHO HÀNG HÓA

Tháng 10/2016

STT	Tên vật tư	STT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Thép ống mạ từ 15.9 đến 114	Kg	1.500	22.725.000	15.000	234.700.000	15.300	235.010.700	1200	21.514.300
2	Que hàn chịu lực	Kg	800	60.400.000	12.000	950.635.900	11.850	932.760.900	750	78.275.000
3	Thép cuộn	Kg	2095	29.967.062	2793	32.967.062	2816	31.876.780	2072	30.102.282
4	Thép U,C dập	kg	354	14.180.500	202	8.080.000	453	17.161.011	103	5.099.489

	Cộng			426.429.316		1.306.199.706		1.206.302.200		526.326.822

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán
- Phiếu nhập kho (S07-DNN)
- Phiếu xuất kho (S07-DNN)
- Thẻ kho (mẫu số S09-DNN)
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng.....
- Và các chứng từ khác liên quan

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản:

TK 156: Hàng hóa và mở các tài khoản cấp 2

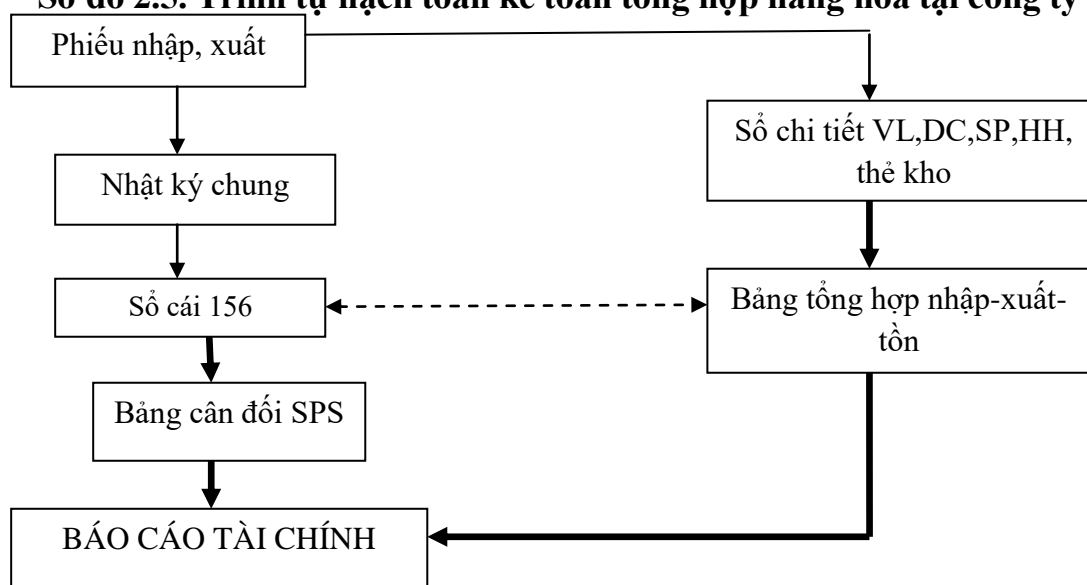
TK1561: Giá mua hàng hóa

Các tài khoản khác có liên quan:

- + TK111: Tiền mặt
- + TK112: Tiền gửi ngân hàng
- + TK331: Phải trả người bán và được mở chi tiết cho từng người bán
- + TK1331: Thuế GTGT được khấu trừ
- + TK632: Giá vốn hàng bán

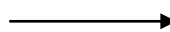
2.2.2.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5. Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế toán phản ánh các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK156, 133,331...

Đồng thời, từ chứng từ gốc, kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ chi tiết, số liệu từ bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4. Ví dụ minh họa

Minh họa tiếp phân ghi sổ tổng hợp của các VD trước:

Tiếp ví dụ 1: Ngày 10/10/2016, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á mua 5000 kg thép ống mạ từ 15.9 đến 114 của Công ty thép Việt Úc theo HĐ GTGT số 0002345 với trị giá hàng mua chưa thuế GTGT 10% là 77.500.000 đồng, đơn giá hàng nhập kho là 15.500đ/kg. Sau khi kiểm kê nhận hàng đủ và nhập kho theo Biên bản giao nhận, kế toán lập Phiếu nhập kho số 21/10 chưa thanh toán:

Kế toán định khoản:

Nợ TK 156: 77.500.000

Nợ TK 133: 7.750.000

Có TK 331: 85.250.000

Từ hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK156), TK133, TK112.....

Tiếp ví dụ 2: Ngày 12/10/2016, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á xuất bán 1000 kg thép ống mạ từ 15.9 đến 114 cho Công ty TNHH Hoàng Nam với trị giá xuất kho là 15.419.000 đồng, chưa thanh toán.

Nợ 632: 15.419.000

Nợ 131: 17.820.000

Có 156: 15.419.000

Có 3331: 1.620.000

Có 511 : 16.200.000

Từ các chứng từ trên kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung(Biểu số 2.16) từ sổ nhật ký chung kế toán lập sổ cái tài khoản 156 (Biểu số 2.17).

Tiếp ví dụ 3: Theo HD GTGT số 000867 ngày 11/10/2016 mua 2000 Kg Que hàn chịu lực của Công ty TM DV XNK Đại Lộc với trị giá mua

hàng chưa thuế GTGT 10% là 160.000.000 đồng chưa thanh toán. Căn cứ vào HĐGTGT số 000867 kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho. Từ phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 156: 160.000.000

Nợ TK 133: 16.000.000

Có TK 331: 176.000.000

Từ các chứng từ trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.16) từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 156 (biểu số 2.17), TK 133, TK 112.

Tiếp ví dụ 4: Ngày 14/10/2016 xuất bán 550 kg que hàn chịu lực cho công ty TNHH Phú Minh, chưa thanh toán.

Từ phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh phản ánh giá vốn vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 632: 43.292.700

Nợ 131:48.682.500

Có TK 156: 43.292.700

Có 511:44.275.000

Có 3331:4.427.500

Từ các chứng từ trên kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.16) từ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái tài khoản 156 (Biểu số 2.17).

Biểu số 2.14. Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại
 Dịch vụ Đông Nam Á
 Đc: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,
 quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo quyết định
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh trong năm			
...
5/10	GBN73	5/10	Trả tiền hàng cho Cty Thiên Phú	331 112	15.000.000	15.000.000
...
10/1 0	HD2345 PN21/10	10/10	Mua thép ống mạ từ 15.9 đến 114cty thép Việt Úc nhập kho, chưa thanh toán	156 133 331	77.500.000 7.750.000	85.250.000
...
11/1 0	HD8327 PN28/10	11/10	Mua que hàn chịu lực nhập kho của cty TM DV XNK Đại Lộc	156 133 331	160.000.000 16.000.000	176.000.000
...
12/1 0	PX32/10	12/10	Giá vốn xuất thép ống mạ từ 15.9 đến 114bán cho cty Hoàng Nam	632 156	15.419.000	15.419.000
12/1 0	HD675	12/10	Doanh thu xuất bán thép ống mạ từ 15.9 đến 114cho cty Hoàng Nam, chưa thu tiền	131 511 3331	17.820.000	16.200.000 1.620.000
...
14/1 0	PX36/10	14/10	Giá vốn xuất bán que hàn chịu lực cho cty Phú Minh	632 156	43.292.700	43.292.700
14/1 0	HD683	14/10	Doanh thu xuất bán que hàn chịu lực cho cty Phú Minh	131 511 3331	48.682.500	44.275.000 4.427.500
...
			Cộng phát sinh		130.536.512.000	130.536.512.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên)

Biểu số 2.15

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Đông Nam Á**
Đc: Số 16 Đà Nẵng, phường Máy Tơ,
quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản:156- Hàng hóa

Đơn vị: đồng

NTS H	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 10</u>		426.429.316	
					
5/10	PN16/10	5/10	Mua thép hộp mạ nhập kho của cty Hoàng Hà	112	25.000.000	
...
10/10	PN21/10	10/10	Mua thép ống mạ từ 15.9 đến 114 của cty thép Việt Úc, chưa thanh toán	331	77.500.000	
11/10	PN28/10	11/10	Mua que hàn chịu lực nhập kho của cty TM DV XNK Đại Lộc	331	160.000.000	
12/10	PX32/10	12/10	Giá vốn xuất thép ống mạ từ 15.9 đến 114 bán cho cty Hoàng Nam	632		15.419.000
...
14/10	PX36/10	14/10	Giá vốn xuất bán que hàn chịu lực cho cty Phú Minh	632		43.292.700
16/10	PN32/10	16/10	Mua thép tấm nhập kho của cty Phương Nam	112	75.000.000	
.....
			Cộng số phát sinh		1.306.199.706	1.206.302.200
			<u>Số dư cuối tháng 10</u>		<u>526.326.822</u>	

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HOA TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG NAM Á

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á.

Trong suốt quá trình từ khi thành lập công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á luôn hướng phát triển tốt, trải qua nhiều giai đoạn khó khăn phức tạp về nhiều mặt nhất là từ khi có cơ chế thị trường. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á đã có những bước tiến rõ rệt, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên. Công ty đã làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, và không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng kinh doanh. Đào tạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ, công nhân có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện nay.

3.1.1. Ưu điểm

- Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy số liệu được làm chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

- Bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công việc theo hướng chuyên môn hóa sẽ làm giảm áp lực cho ban lãnh đạo.

- Phòng kế toán với đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ kế toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao trong công ty.

- Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định của bộ tài chính.

- Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với chế độ kế toán hiện phù hợp với đặc điểm của công ty, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/08/2006 của Bộ Tài chính Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước.

- Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dụng đúng mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ : phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, nhập kho.... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu dễ tìm, dễ thấy. Như vậy, hình thức nhật ký chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của công ty.

- Nhìn chung, tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho hiện hành, tuân thủ các quy định của Nhà nước về hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, chứng từ, đảm bảo sự thống nhất giúp Nhà nước có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

- Trong công tác theo dõi hàng hóa nhập- xuất- tồn trong kỳ kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm hàng hóa lên hệ thống sổ sách công ty.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song, đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty, giữa phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thủ kho theo dõi hàng hóa, quản lý chi tiết hàng hóa, kế toán theo dõi chi tiết hàng hóa thông qua sổ chi tiết hàng hóa. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp Nhập- xuất- tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

Tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính

được trị giá nhập- xuất, tăng, giảm, hiện có của hàng hóa. Như vậy, công ty có điều kiện để quản lý hàng hóa và hạch toán chặt chẽ theo đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập là phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với việc áp dụng phương pháp này giúp kế toán công ty vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu, vừa phản ánh được tình hình biến động của thị trường.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng tại công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện.

1. Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán

Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

2. Công tác xây dựng danh điểm hàng hóa

Hiện nay, hàng hóa của công ty rất đa dạng và phong phú nhưng công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại, từng hàng hóa do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Các loại hàng hóa mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để phân loại. Do vậy, hàng hóa chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều các hàng hóa chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống hàng hóa được mã hóa khoa học thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán sau này.

3. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong khi thị trường hàng hóa biến động không ngừng, giá cả hàng hóa không ổn định trong khi chủng loại hàng hóa mua vào ngày càng nhiều. Việc lập dự phòng sẽ giúp công ty bình ổn giá trị hàng hóa trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng hóa tồn kho tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á.

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện

-Hiện nay, cơ chế thị trường đã mang lại sự bình đẳng cho tất cả các thành phần kinh tế, nhưng cũng đồng thời tạo ra một môi trường cạnh tranh gay gắt bắt buộc các doanh nghiệp phải độc lập, tự chủ trong quá trình hoạt động. Muốn tồn tại và phát triển được trong một môi trường đầy khó khăn và phức tạp như vậy đòi hỏi các doanh nghiệp luôn phải cố gắng tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đồng thời nắm bắt được các quy luật kinh tế thị trường như quy luật cung cầu, quy luật giá trị,... để phục vụ cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, mà hơn hết là nhằm đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Muốn vậy, các nhà quản lý phải nắm bắt và sử dụng đồng thời nhiều công cụ quản lý khác nhau sao cho hợp lý nhất.

- Kế toán là một công cụ quản lý kinh tế, tài chính, nó không chỉ đơn thuần là công việc ghi chép, tính toán về vốn và sự vận động của vốn trong quá trình kinh doanh của đơn vị mà còn là bộ phận chủ yếu trong hệ thống thông tin kinh tế xã hội, là công cụ thiết yếu để quản lý tài chính, giúp cho các nhà quản lý có thể phân tích, nắm bắt được các hoạt động kinh tế đưa ra các quyết định đúng đắn kịp thời, có hiệu quả. Ta thấy, tiêu thụ sản phẩm là một khâu có vai trò quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Việc tiêu thụ diễn ra càng nhanh thì vốn được thu hồi càng nhanh, từ đó có thể tạo điều kiện tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng. Kế toán bán hàng là một công cụ không thể thiếu trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế của một doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp thương mại. Nó là bộ phận cung cấp thông tin về công tác bán hàng và kết quả tiêu thụ, giúp nhà quản lý đánh giá được các điểm mạnh trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động bán hàng nói riêng là vấn đề cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào.

-Yếu tố thị trường và cơ chế quản lý ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, do vậy để hoàn thiện tốt công tác kế toán, đáp ứng được các yêu cầu của nhà quản lý doanh nghiệp mà thực tiễn đặt ra, cần nắm rõ được những yếu tố bên trong cũng như bên ngoài ảnh hưởng đến doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng không những là việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng mà nó còn giúp hiệu quả của công tác kế toán nói chung của công ty được nâng cao.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện

Để đảm bảo tính chính xác, tính khoa học, việc hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

-Phải tuân thủ đúng chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành

Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý, điều hành, kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật, các biện pháp hành chính và các công cụ quản lý kinh tế. Vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ các tài khoản sử dụng, chuẩn mực, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán hay lập báo cáo.

-Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh và hệ thống quản lý của công ty:

Một doanh nghiệp thuộc một loại hình cụ thể, mang những đặc điểm hoạt động quản lý, tổ chức kinh tế riêng và có những yêu cầu quản lý riêng nên khi vận dụng chế độ kế toán phải đảm bảo sao cho phù hợp với chế độ kế toán hiện hành đồng thời cũng phải phù hợp với chính bản thân doanh nghiệp. Các quy định chính sách của Nhà nước là hướng dẫn chung cho tất cả các doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách phù hợp với đặc điểm cụ thể của công ty về các mặt như: tổ chức quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh và đặc điểm của tổ chức bộ máy kế toán, cơ sở trình độ của đội ngũ kế toán viên hiện có,... Việc vận dụng phù hợp cũng cần phải đảm bảo sự thống nhất về phương pháp đánh giá, về việc sử dụng chứng từ, tài khoản cũng như hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo.

-Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác:

Công tác kế toán thực tế có nhiệm vụ cơ bản là cung cấp các thông tin kinh tế cho các nhà lãnh đạo để từ đó có thể ra các quyết định cho sự hoạt động và phát triển của DN. Chính vì vậy, thông tin cung cấp không những phải hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo luân chuyển số liệu giữa các phân hành của kế toán có sự liên kết, dễ dàng, tiện lợi cho việc kiểm tra mà còn đòi hỏi phải có trình độ chính xác cao, có tính cập nhật, nhanh chóng, kịp thời phục vụ tốt cho mục đích quản lý công tác kế toán trong công ty. Đặc biệt là trong điều kiện hiện nay khi nền kinh tế với sự bùng nổ thông tin và sự cạnh tranh gay gắt thì yêu cầu này ngày càng trở nên quan trọng hơn kg giờ hết.

-Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả

Tôi đa hóa giá trị vốn chủ sở hữu là mục tiêu cuối cùng của các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khi bỏ vốn ra kinh doanh, hoạt động đều mong muốn sẽ thu được hiệu quả cao nhất bằng việc sử dụng đồng vốn một cách tiết kiệm nhất, đạt được lợi nhuận cao nhất và chi phí là thấp nhất. Vì vậy không thể thực hiện một phương pháp nào mà không tính đến tính khả thi và hiệu quả do nó mang lại. Hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả bán hàng cũng không nằm ngoài mục đích đó. Việc hoàn thiện phải cung cấp thông tin một cách hữu ích nhất với thời gian và tiết kiệm chi phí nhất, giảm thiểu các phần việc phức tạp, rườm rà, không cần thiết gây ảnh hưởng đến công tác hạch toán.

Nhìn chung, muốn nâng cao hiệu quả hoạt động của mình thì kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng cần đánh giá đúng đắn tình hình thực tế của doanh nghiệp, phát huy những mặt mạnh, khắc phục những mặt chưa được tốt, đồng thời phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, kịp thời, từ đó có những đóng góp có ích cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tồn kho tại Công ty

Bằng những kiến thức tài chính kế toán đã được học tại trường và qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á, em đã thấy được sự vận dụng giữa lý thuyết và thực tế trong công tác kế toán hàng hóa.

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán hàng hóa đã đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của tổ chức kế toán. Xuất phát từ những hạn chế này, em xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thêm tổ chức kế toán hàng hóa tại công ty.

1. Về công tác xây dựng danh điểm hàng hóa

Sổ danh điểm hàng hóa là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại hàng hóa đã và đang kinh doanh, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách hàng hóa một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm hàng hóa có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm hàng hóa được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Hiện nay công ty không có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại hàng hóa. Việc không lập sổ danh điểm hàng hóa sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Việc quản

lý hàng hóa có thể sẽ có nhầm lẫn, thiếu thống nhất và rất khó để phân biệt các nhóm, loại hàng hóa.

Xây dựng sổ danh điểm hàng hóa, giúp cho việc quản lý từng loại hàng hóa sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn kho. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào máy tính và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý hàng hóa trong công ty sẽ được chặt chẽ, thống nhất, khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm hàng hóa, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã hàng hóa chính thức, đầy đủ không trùng lặp. Công ty cần thực hiện theo những nguyên tắc sau:

+ Mã hàng hóa theo cách phân loại ban đầu, xây dựng hệ thống mã phân cấp, mã gồm nhiều trường hợp trong đó trường tận cùng bên trái mang đặc trưng chủ yếu nhất.

+ Khi cần thiết ta kéo dài về bên trái. Ví dụ hàng hóa có hai nhóm thì tên mỗi nhóm ta thêm 2 chữ số mã hóa về bên phải :

TK 1561.01: Nhóm thép

+TK1561.01.01 : Thép ống mạ từ 15.9 đến 114

+TK 1561.01.02 : Thép tấm

.....

• **TK 156.02 : Nhóm Xi măng**

+ TK 1561.02.01 : Xi măng Thăng Long

+ TK 1561.02.02 : Xi măng Chinfon

.....

- Bởi vì như đã nói ở trên, hạch toán chi tiết hàng hóa ở công ty áp dụng phương pháp thẻ song song và việc tính giá xuất hàng hóa theo phương pháp bình quân liên hoàn, như vậy việc mở sổ danh điểm hàng hóa sẽ góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán, xử lý nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý, kinh doanh và rất thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán cho phần vận hành hạch toán hàng tồn kho trên máy vi tính, sổ danh điểm có thể được xây dựng theo mẫu sau:

Sổ danh điểm hàng hóa

Nhóm hàng	Danh điểm hàng hóa	Tên hàng hóa	ĐVT	Ghi chú
1561.01		Nhóm thép		
	TK 1561.01.01	Thép ống mạ từ 15.9 đến 114	Kg	
	TK 1561.01.02	Thép hộp 12 x 32 x 1,0	Kg	
....			
1561.02		Nhóm Xi măng		
	TK 1561.02.01	Xi măng Thăng Long	Bao 50 Kg	
	TK 1561.02.02	Xi măng Chinfon	Bao 50 Kg	

- Mở sổ danh điểm hàng hóa phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán, sau đó trình lên cơ quan chủ quản của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty. Cụ thể:

- Hệ thống chứng từ liên quan đến danh điểm hàng hóa (phiếu nhập kho, phiếu xuất kho) phải bổ sung danh điểm của từng loại hàng.

- Hệ thống sổ sách kế toán như sổ chi tiết hàng hóa, sổ chi tiết bán hàng, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn cũng chi tiết theo từng danh điểm hàng hóa.

- Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hóa thì việc theo dõi, kiểm tra hàng hóa được dễ dàng hơn rất nhiều và như vậy ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

2. Hiện đại hóa công tác kế toán:

- Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

- Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn.

Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng.

- Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để áp dụng tại công ty.

- Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn, cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn.

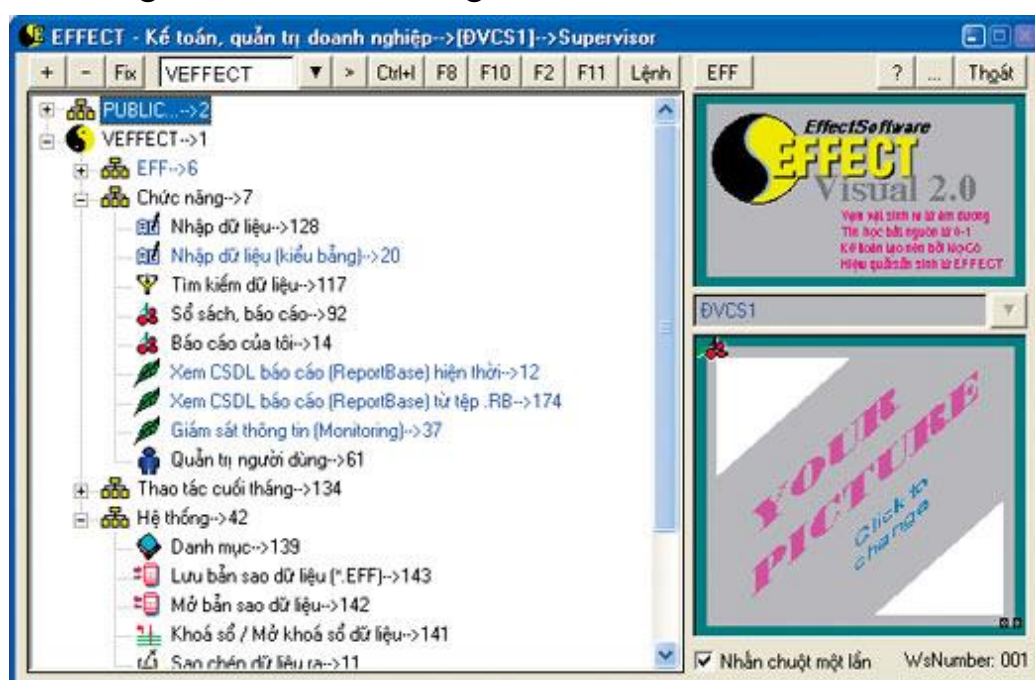
Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➤ **Phần mềm kế toán Effect**

-EFFECT là một trong những lá cờ tiên phong trong việc đón đầu và vận dụng công nghệ làm đòn bẩy tăng cường hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp. Với kinh nghiệm hơn 15 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm quản trị doanh nghiệp, EFFECT đã trở thành một thương hiệu đáng tin cậy, đạt được nhiều thành tựu và được đánh giá cao bởi hơn 3000 doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

-EFFECT kế toán là giải pháp phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực kế toán quản trị doanh nghiệp. Dòng sản phẩm này kg gồm nhiều phần mềm kế toán khác nhau phù hợp với loại hình, kích cỡ, và mô hình khác nhau của từng doanh nghiệp.

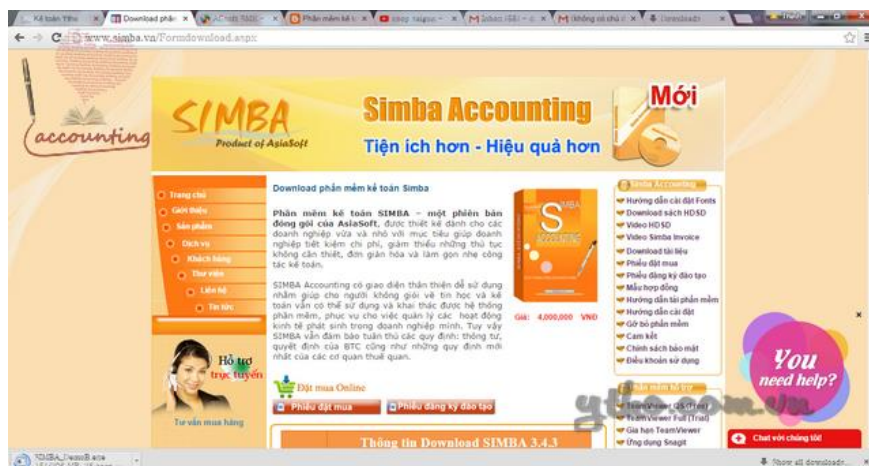
Giá khoảng tầm từ 5-6 triệu đồng.



Phần mềm kế toán SimBa

SIMBA Accounting giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ:

- Tiết kiệm chi phí, tối ưu hoá lợi ích cho doanh nghiệp
- Tiết kiệm thời gian và nguồn nhân lực cho công tác kế toán
- Kiểm soát tốt tình hình tài chính của doanh nghiệp
- Giúp lãnh đạo doanh nghiệp có cơ sở ra quyết định kịp thời



Giá phần mềm này rẻ hơn tầm 4 triệu

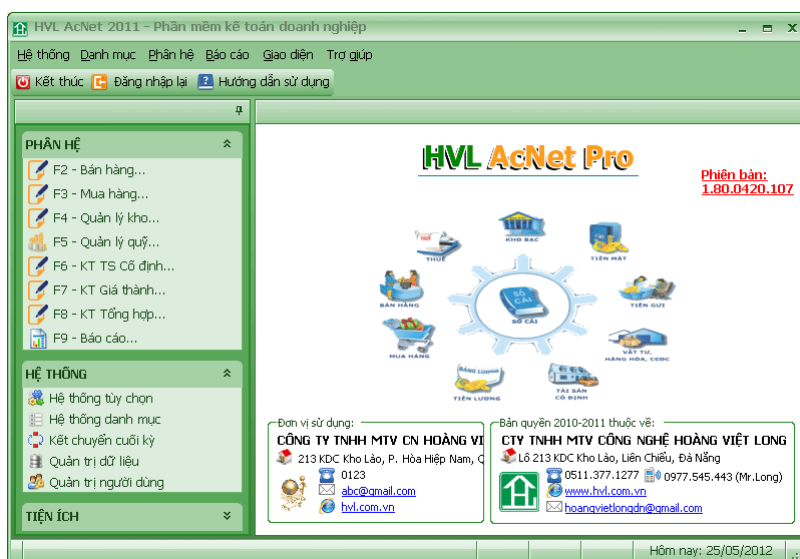
➤ *Phần mềm kế toán AccNet*

Năm 1995, phần mềm AccNet là một trong ít thương hiệu phần mềm kế toán tài chính trọn gói đầu tiên của Việt Nam. Gần 20 năm qua, chúng tôi liên tục phát triển sản phẩm qua các phiên bản nâng cấp và số lượng khách hàng sử dụng phần mềm đến nay tăng lên tới gần 5.000 doanh nghiệp trên toàn quốc.

Phần mềm kế toán là một trong những giải pháp quan trọng đối với một doanh nghiệp trong việc quản trị tài chính, tùy vào quy mô và lĩnh vực hoạt động mà doanh nghiệp sẽ lựa chọn phần mềm phù hợp.

Với mong muốn đồng hành cùng thành công của các doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Tin học Lạc Việt đã liên tục nghiên cứu và phát triển những giải pháp phần mềm kế toán tốt nhất như: phần mềm kế toán tài chính AccNetC for Desktop (AccNetiZ) dành cho các doanh nghiệp nhỏ cần phần mềm giá rẻ, tự in hóa đơn; phần mềm quản trị doanh nghiệp AccNetC for ERP Trading (AccNetC ERP) cho các doanh nghiệp có nhu cầu quản lý từ mua hàng, bán hàng, quản lý tồn kho đến quản lý tài chính,... Cùng với đó, phần mềm kế toán quản trị AccNetC for BI (AccNet9 BA) để sử dụng cũng là một lựa chọn khá phù hợp cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Đặc biệt, với các doanh nghiệp nhỏ, mới thành lập thì phần mềm kế toán tài chính AccNetC for Cloud

(AccNetC) là một giải pháp cực kỳ tiết kiệm với chi phí thuê hàng tháng, giá khoảng 3 triệu đồng/năm.



Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán Effect vì phần mềm này có khả năng bảo mật rất cao đảm bảo dữ liệu tuyệt đối.

3. Về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trong điều kiện kinh doanh cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất và kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Các khoản dự phòng quy định được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ báo cáo để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong kỳ báo cáo sau; đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản đầu tư không cao hơn giá cả trên thị trường và giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm theo chế độ kế toán hiện hành.

Doanh nghiệp phải xây dựng quy chế về quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý công nợ để hạn chế các rủi ro trong kinh doanh. Quy chế phải xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng người trong việc theo dõi, quản lý vật tư, hàng hóa, thu hồi công nợ.

Doanh nghiệp phải lập Hội đồng để thẩm định mức trích lập các khoản dự phòng và xử lý tổn thất thực tế của vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản đầu tư, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định tại Thông tư này và văn

bản pháp luật khác có liên quan. Riêng việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp thì thực hiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

- Dự phòng giảm giá còn có tác dụng làm giảm lãi niên độ kế toán, nên doanh nghiệp tích lũy được một nguồn tài chính mà lẽ ra nó đã được phân chia.

- Nguồn tài chính này tạm thời nằm trong tài sản lưu động và khi cần sử dụng để bù đắp cho các khoản thiệt hại thực tế hàng tồn kho bị giảm giá phát sinh. Một điểm lợi nữa đó là lập dự phòng giảm được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các điều kiện: Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có bằng chứng về các hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán. Trích khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá của hàng tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo phương thức sau từng loại hàng hóa và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho của công ty. Bảng kê này chính là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

- Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho công ty sẽ hạn chế được rủi ro trong quá trình sản xuất, tránh được những tổn thất kinh tế do sự thay đổi giá cả của hàng hóa trên thị trường.

Tài khoản sử dụng: Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC để theo dõi các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng TK 1593- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Theo Thông tư 133 thì để theo dõi các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng TK 2294- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

✓ **Kết cấu và nội dung phản ánh:**

Bên Nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh sổ chênh lệch(bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh sổ chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có Tk 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

✓ **Ví dụ minh họa:** Về việc trích lập dự phòng giảm giá của thép ống mạ kẽm:

- Số lượng thép ống mạ từ 15.9 đến 114 tồn kho cuối ngày 31/12/2016 là 45.000 kg với đơn giá là 15.419đồng/kg, trị giá hàng tồn kho là 639.855.000đồng.

- Nhưng thực tế trên thị trường giá của thép ống mạ từ 15.9 đến 114 chỉ còn 15.010 đồng/kg. Nghĩa là giá trị của loại hàng này đã giảm đi so với giá trên thị trường là 409 đồng/kg. Công ty sẽ tiến hành trích lập dự phòng giảm giá cho thép ống mạ kẽm như sau:

$$= 45.000 \times (15.419 - 15.010) = 18.405.000 \text{ đồng}$$

Công ty có thể lập Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau (Biểu 3.1)

Biểu 3.1. Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho
 Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đông Nam Á
BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO
Năm 2016

STT	Tên hàng hóa	Số lượng	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Mức dự phòng cần lập
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6=5-3
1	Thép ống mạ từ 15.9 đến 114	45.000	15.419	639.855.000	15.010	675.450.000	18.405.000
2	Thép tấm	38.000	18.000	684.000.000	17.500	665.000.000	19.000.000
3	Que hàn hàn chịu lực	18.500	78.714	1.456.209.000	78.150	1.445.775.000	10.434.000
	Cộng						47.839.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

- Từ bảng kê trên, kế toán định khoản và lập phiếu kế toán cho bút toán:

Nợ TK 632: 47.839.000

Có TK 2294: 47.839.000

Từ phiếu kế toán, kế toán ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 229, TK 632

4. Một số giải pháp khác

- Hàng hóa của công ty còn nhiều chủng loại khác nhau rất dễ hao mòn, hư hỏng trị nên công tác bảo quản hàng hóa của công ty là rất quan trọng. Vì vậy, mà công ty cần chú trọng đến các kho tàng bên bãi để bảo quản hàng hóa được đảm bảo.

- Công ty phải xây dựng thêm kho tàng để bảo quản hàng hóa tránh hư hỏng gây thiệt hại cho công ty. Ngoài ra có những kho tàng đã được xây dựng lâu năm công ty phải kiểm tra và tu sửa lại cho đảm bảo có thể giữ gìn và bảo quản hàng hóa tốt hơn.

- Khi hệ thống tàng bên bãi của công ty được xây dựng đầy đủ và được tu sửa chắc chắn sẽ giúp cho việc bảo quản hàng hóa được tốt hơn, hàng hóa không bị hư hỏng và mất mát tránh được tổn thất cho công ty.

KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp thương mại, Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Đông Nam Á phải tìm cho mình một hướng đi đúng đắn. Việc hạch toán kế toán có vai trò hết sức quan trọng và tích cực trong công tác điều hành, quản lý doanh nghiệp. Trong đó công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp đã góp phần vào việc cung cấp thông tin có độ tin cậy cao nhằm phát hiện được những mặt mạnh, mặt yếu trong một chu kỳ hoạt động kinh doanh, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục và cải tiến những khuyết điểm để duy trì phát triển. Trên cơ sở đó đề ra các biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á em đã có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán hàng hóa . Cùng với sự giúp đỡ tận tình của Ths. Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á, em đã hoàn tất khóa luận của mình. Qua bài khóa luận bằng sự kết hợp những kiến thức đã học ở trường với thực tế công tác kế toán kế toán hàng hóa tại Công ty, em đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của công tác kế toán này. Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đỗ Thị Thu Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài Chính).
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
3. Bộ tài chính (2009), chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán Nhà xuất bản Tài chính.
4. Bộ tài chính (2009), chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
5. Sổ sách kế toán Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam Á (2016).
6. Một số trang web như: webketoan.vn, ketoanthucte.com, ketoantaichinh.com.vn..